



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ**  
141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +84 (8) 3827 0838  
Fax : +84 (8) 3827 0839  
Website : www.kinhdo.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ • BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU



**HƯỚNG TỚI  
GIÁ TRỊ  
VƯỢT TRỘI**



*Củng cố*

**Nền tảng**

## Mục lục

Tầm nhìn .....	02	<b>08</b> Thông điệp Chủ tịch	10
Sứ mệnh .....	03	Hội đồng Quản trị .....	10
Cơ cấu cổ đông .....	04	<b>Vững chắc cùng tăng trưởng</b>	
Sự kiện quan trọng năm 2012 .....	05	Thông điệp Tổng Giám Đốc.....	14
Thông tin tài chính quan trọng .....	06	Cột mốc quan trọng .....	16
		Hoạt động Marketing .....	18
		Trách nhiệm với môi trường .....	26
		Trách nhiệm với cộng đồng.....	28



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Tel: +84 (8) 3827 0838 Fax: +84 (8) 3827 0839  
 Email: info@kinhdo.vn  
 Website: www.kinhdo.vn  
 Niêm yết tại: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM (HOSE)  
 Mã niêm yết: KDC  
 Vốn điều lệ: 1.665.226.250.000 đồng



*Tăng trưởng*

## Vượt Bậc



*Giữ vững*

## Định Hướng

<p><b>30</b> Phát triển nguồn nhân lực</p> <p>Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc .....32</p> <p>Ban Kiểm soát .....36</p> <p>Ban Giám Đốc .....38</p> <p>Các hoạt động của Hội đồng Quản trị .....40</p> <p>Công ty con và Công ty liên quan ....44</p> <p>Nhân sự .....46</p> <p>Đánh giá của Ban Giám Đốc về tình hình tài chính .....48</p>	<p><b>54</b> Báo cáo tài chính</p> <p>Thông tin chung .....56</p> <p>Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc .....58</p> <p>Báo cáo kiểm toán độc lập .....59</p> <p>Bảng cân đối kế toán hợp nhất .....60</p> <p>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .....62</p> <p>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất .....63</p> <p>Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất .....65</p>
---	--

## TÂM NHÌN

# Hương vị cuộc sống

Xuyên suốt hành trình 20 năm không ngừng nỗ lực phục vụ người tiêu dùng, Kinh Đô không chỉ mang **hương vị đến cho cuộc sống** mọi nhà bằng những thực phẩm an toàn, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo mà chúng tôi còn mang cả **vị hạnh phúc** ngọt ngào cho những phút giây sum họp, cho tình thân thêm bền chặt qua mỗi dịp lễ tết, làm thăng hoa những khoảnh khắc hạnh phúc đọng đầy trong cuộc sống.

## Kinh Đô - Vị của hạnh phúc



Tập đoàn Kinh Đô giữ vững tầm nhìn: "Tạo thêm hương vị cho cuộc sống bằng những thực phẩm an toàn, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo", đây cũng là động lực thúc đẩy chúng tôi sáng tạo không ngừng để đáp ứng thị hiếu luôn thay đổi của người tiêu dùng. Chúng tôi tiếp tục tái định nghĩa các khái niệm về dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo thông qua việc cải thiện chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để luôn tiên phong, dẫn đầu trong các xu hướng thưởng thức mới cho người tiêu dùng.

## SỨ MỆNH



### SỨ MỆNH ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sứ mệnh của Kinh Đô đối với người tiêu dùng là tạo ra những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả mọi người để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.

### SỨ MỆNH ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Với cổ đông, sứ mệnh của Kinh Đô không chỉ dừng ở việc mang lại mức lợi nhuận tối đa trong dài hạn mà còn thực hiện tốt việc quản lý rủi ro từ đó làm cho cổ đông an tâm với những khoản đầu tư.

### SỨ MỆNH ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC

Với đối tác, sứ mệnh của Kinh Đô là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng bằng cách đảm bảo một mức lợi nhuận hợp lý thông qua các sản phẩm, dịch vụ đầy tính sáng tạo. Chúng tôi không chỉ đáp ứng đúng xu hướng tiêu dùng mà còn thỏa mãn được mong ước của khách hàng.

### SỨ MỆNH ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chúng tôi luôn ươm mầm và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy Kinh Đô luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.

### SỨ MỆNH ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời mong muốn được tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Thời điểm 01/03/2013)

### TỔNG CỘNG

# 166.522.625

100%

CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN TRONG NƯỚC

## 39.756.707

23,87%

CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC TRONG NƯỚC

## 33.899.048

22,3%

CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

## 3.251.244

1,95%

CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

## 75.080.258

45,09%

CỔ PHIẾU QUỸ

## 14.535.368

8,81%

LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Cổ đông cá nhân trong nước	39.756.707	23,87%
Cổ đông tổ chức trong nước	33.899.048	22,3%
Cổ đông cá nhân nước ngoài	3.251.244	1,95%
Cổ đông tổ chức nước ngoài	75.080.258	45,09%
Cổ phiếu quỹ	14.535.368	8,81%
<b>Tổng cộng</b>	<b>166.522.625</b>	<b>100%</b>

## SỰ KIỆN QUAN TRỌNG NĂM 2012

**22/02 PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ**  
14.000.000 cổ phiếu (10% tổng lượng cổ phiếu sau khi phát hành) phát hành riêng lẻ cho Ezaki Glico Co. Ltd

**27/02 CỔ TỨC 2011**  
10/07 Trả 311 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu

**29/08 CỔ PHIẾU THƯỞNG**  
Trả 20% cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (chia tách 5:1)

**20/12 MUA CỔ PHIẾU QUỸ**  
Kinh Đô Bình Dương mua 13.043.112 cổ phiếu quỹ với giá trung bình 38.439 đồng



## THÔNG TIN TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

### KDC đã xây dựng một nền tảng để đạt được

Doanh thu Tập đoàn

**4.285** TỶ ĐỒNG

Tăng so với năm 2011: 0,9%

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh

**650** TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận gộp

**1.869** TỶ ĐỒNG

Tăng so với năm 2011: 11,7%

Biên lợi nhuận gộp

**43,6%**

So với năm 2011: 39,4%

Lợi nhuận trước thuế

**490** TỶ ĐỒNG

Tăng so với năm 2011: 40,3%

Biên lợi nhuận hoạt động

**11,9%**

So với năm 2011: 8,1%

### Tạo giá trị cho cổ đông

Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

**9,1%**

So với năm 2011: 7,2%

Trả cổ tức

**311** TỶ ĐỒNG

Tăng so với năm 2011: 116%

Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu

**2.318** ĐỒNG

So với năm 2011: 1.926 đồng

### Gia tăng hiệu quả hoạt động

Chu kỳ kinh doanh

Chu kỳ phải trả

**27** NGÀY

(Vòng quay phải trả 13,6 lần)

Chu kỳ hàng tồn kho

**54** NGÀY

(Vòng quay hàng tồn kho 6,8 lần)

Chu kỳ phải thu

**16** NGÀY

(Vòng quay phải thu 22,4 lần)

Chu kỳ kinh doanh

**43** NGÀY

Vòng quay tổng tài sản

**0,76x**

Lợi nhuận trên tổng tài sản

**6,3%**

### Thận trọng việc sử dụng vốn vay

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu

**0,36x**

Tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu

**0,14x**

### Dự trữ tiền mặt dồi dào để thúc đẩy tăng trưởng

Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn

**1,69x**

Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn (trừ hàng tồn kho)

**1,46x**

## 2013: Một năm bản lề cho KDC

Chúng tôi đã và đang tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống và nền tảng hoạt động của Công ty. Đội ngũ Công ty toàn tâm theo đuổi định hướng chiến lược xây dựng Tập đoàn theo chiến lược "Food and Flavor".

Công ty có vị thế rất tốt để thực hiện các mục tiêu trong "Tăng trưởng có lợi nhuận", hoàn thành giai đoạn cuối của quá trình tái cấu trúc.



VỮNG CHẮC  
CÙNG  
TĂNG TRƯỞNG

Thương hiệu Kinh Đô  
ngày càng gắn gũi,  
được người tiêu dùng  
yêu mến, đánh giá cao  
và khẳng định uy tín với  
rất nhiều giải thưởng  
danh giá.

Luôn giữ vững  
vị thế Tập đoàn  
thực phẩm hàng đầu  
Việt Nam.



## THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa Quý cổ đông,*

Năm 2012, lại một năm nữa chúng ta phải tiếp tục vượt qua những thử thách, khó khăn chung của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại, lạm phát tăng cao, niềm tin và sức mua của người tiêu dùng giảm sút đã gây trở ngại lớn cho việc thực hiện chiến lược tăng trưởng của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Kinh Đô nói riêng.

Trong bối cảnh đó, Kinh Đô đã thực hiện giai đoạn 3 - “Lợi nhuận nhờ sự hiệu quả” trong 4 giai đoạn theo chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực cho lĩnh vực kinh doanh cốt lõi – ngành thực phẩm, tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống phân phối vững mạnh và chuỗi cung ứng. Mục tiêu là cải thiện hiệu quả hoạt động để thúc đẩy khả năng sinh lợi cũng như thiết lập, củng cố vững chắc sức mạnh nội tại của Tập đoàn. Mặc dù có những khó khăn khách quan, tôi vui mừng thông báo với Quý cổ đông, chúng tôi đã thực hiện thành công các mục tiêu của giai đoạn 3 và đã đạt kết quả kinh doanh khả quan với lợi nhuận năm 2012 đạt 490 tỷ đồng, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 9,1%. Đây là sự tiến bộ vượt bậc so với năm 2011 khi kết quả chỉ là 349 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 7,2% lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

Năm qua, trong bối cảnh nhiều khó khăn của nền kinh tế, chúng tôi đã chọn chiến lược củng cố nội lực, tập trung vào cải thiện hiệu quả hoạt động và lợi nhuận của Công ty. Chủ động tái cơ cấu danh mục sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm chủ lực có biên lợi nhuận cao với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Chúng tôi cũng xác định các điểm cần cải thiện là không chỉ tập trung trong việc cải thiện hiệu quả nội bộ gồm hoạt động và quy trình làm việc mà còn ở hệ thống phân phối. Một trong những dấu ấn quan trọng trong năm qua là chúng tôi thay đổi cách thức vận hành hoạt động của Công ty hướng về thị trường, luôn bám sát thị trường để nắm bắt và đón đầu xu hướng tiêu dùng, nhanh chóng thay đổi để đáp ứng và khai thác từng cơ hội nhỏ của thị trường để hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn.

Những cải thiện đáng kể của thị trường và kinh tế vĩ mô trong những tháng cuối năm 2012 sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013. Mặc dù vậy, tôi vẫn giữ quan điểm lạc quan trong thận trọng do Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và chịu tác động của nhiều biến động như áp lực lạm phát nếu không được quản lý điều chỉnh kịp thời.

**CÔNG TY ĐÃ TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC CHO LĨNH VỰC KINH DOANH CỐT LÕI – NGÀNH THỰC PHẨM, TIẾP TỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI VỮNG MẠNH VÀ CHUỖI CUNG ỨNG. MỤC TIÊU LÀ CẢI THIỆN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỂ THỨC ĐẨY KHẢ NĂNG SINH LỢI CŨNG NHƯ THIẾT LẬP, Củng cố vững chắc sức mạnh nội tại của Tập đoàn.**

**TRẦN KIM THÀNH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tập đoàn Kinh Đô



**NĂM 2013 CÒN MANG Ý NGHĨA ĐẶC BIỆT, ĐÁNH DẤU 20 NĂM NGÀY THÀNH LẬP TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ. NHÌN LẠI LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN, CHÚNG TÔI TỰ HÀO VỀ NHỮNG THÀNH QUẢ KINH ĐÔ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VÀ TIN TƯỞNG VÀO TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG TƯƠNG LAI. ĐÂY CHÍNH LÀ NỀN TẢNG ĐỂ CHÚNG TÔI TỰ TIN SẼ TIẾP TỤC NỖ LỰC ĐƯA KINH ĐÔ HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ, XỨNG ĐÁNG VỚI NIỀM TIN VÀ KỶ VỌNG CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ, CÁC CỔ ĐÔNG ĐỐI VỚI CHÚNG TÔI.**

Với phương châm phát triển bền vững để thương hiệu mãi trường tồn, năm 2013 sẽ là năm mà toàn bộ Công ty sẽ phát huy những hiệu quả đạt được và những trải nghiệm của giai đoạn 2 & 3 để bước vào giai đoạn 4: “Tăng trưởng có lợi nhuận”. Điểm tập trung sẽ là thực hiện tất cả những gì đã được lĩnh hội, đã làm trong những năm vừa qua nhưng với hiệu quả cao hơn và quy mô lớn hơn. Chúng tôi sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả quy trình vận hành mới, cụ thể là hệ thống phân phối, chuỗi cung ứng một cách chi tiết hơn, sâu hơn để đạt hiệu quả cao hơn. Các sản phẩm đã mang lại hiệu quả và khả năng sinh lợi cao sẽ tiếp tục được khai thác. Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào hệ thống một cách bài bản, điều đó sẽ giúp chúng tôi hoàn thành giai đoạn 4 “Tăng trưởng có lợi nhuận” của quá trình chuyển đổi cũng như tạo đà phát triển nhanh và bền vững khi nền kinh tế tốt hơn.

Năm nay, chúng tôi sẽ gia tăng đầu tư, dựa trên nền tảng chiến lược “Food and Flavor” mà chúng tôi đã xây dựng, cụ thể là sự tập trung hoàn thiện về cách vận hành hiệu quả của hệ thống. Về sản phẩm, chúng tôi

tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm cả về chiều rộng và chiều sâu, hướng đến các sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người tiêu dùng. Dựa trên thành công và những trải nghiệm trong năm 2012, chúng tôi đã cải thiện đáng kể danh mục sản phẩm hiện hữu và sẵn sàng phát triển chiến lược “Food and Flavor” với quy mô lớn. Điều này sẽ được thực hiện thông qua tăng trưởng từ nội lực của Công ty, sự mở rộng các ngành hàng và tăng trưởng từ bên ngoài thông qua chiến lược mua bán sáp nhập mà chúng tôi đang chuẩn bị thực hiện.

Đối với Chiến lược mua bán sáp nhập, khi hệ thống của Công ty trở nên ổn định hơn và đạt được quy mô cần thiết, chúng tôi sẽ xem xét lại chiến lược mua bán sáp nhập như một phần quan trọng hơn trong chiến lược tăng trưởng chung. Từ những trải nghiệm M&A trong thời gian qua và đặc biệt là thành công tại Kido’s và Vinabico, chúng tôi tự tin rằng Công ty đã có được những bề dày kinh nghiệm để thực hiện chiến lược mua bán sáp nhập với quy mô lớn hơn.

Năm 2013, chúng tôi vẫn tiếp tục tập trung vào cải thiện hiệu quả và tăng trưởng nội tại đồng thời chuẩn bị các bước căn bản cho chiến lược mua bán sáp nhập trong năm 2014 với các tiêu chí rất rõ ràng cho chiến lược này.

*Quý cổ đông thân mến,*

Năm 2013 còn mang ý nghĩa đặc biệt, đánh dấu 20 năm ngày thành lập Tập đoàn Kinh Đô. Chúng tôi tự hào về những thành quả Kinh Đô đã đạt được và tin tưởng vào tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai. Chúng tôi hiểu rằng, để Kinh Đô phát triển vững mạnh như hôm nay, bên cạnh việc thực hiện tốt các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn, còn yếu tố quan trọng chính là sự yêu mến, ủng hộ của người tiêu dùng, của cộng đồng đối với sản phẩm, thương hiệu Kinh Đô. Đặc biệt là sự quan tâm, chia sẻ và đóng góp cho xã hội trong 20 năm qua và Kinh Đô sẽ tiếp tục đóng góp cho cộng đồng trong tương lai.

Nhìn lại quá trình hoạt động của Kinh Đô, có thể nhận thấy tài sản lớn nhất và giá trị nhất của Công ty chính là sự đồng hành, hợp tác bền chặt của Nhà Đầu Tư, đội ngũ CBCNV, Đối Tác, Nhà Cung Cấp, Nhà Phân Phối. Đây chính là sức mạnh và niềm tin để tiếp sức cho chúng tôi trong chặng đường phát triển mới. Sự lớn mạnh về quy mô và tiềm năng tăng trưởng của Kinh Đô hôm nay chính là nền tảng để chúng tôi tự tin sẽ tiếp tục nỗ lực đưa Kinh Đô hoạt động hiệu quả, xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các Nhà Đầu Tư, các cổ đông đối với chúng tôi.

Nhìn về phía trước, chúng tôi tin rằng sự đồng lòng, sự tin tưởng của các Nhà Đầu Tư, các cổ đông cùng định hướng chiến lược và nền tảng quy mô mà chúng tôi đã tạo dựng sẽ là bệ phóng vững chắc để Kinh Đô sẵn sàng cho 20 năm tăng trưởng tiếp theo.

Kính chúc Quý cổ đông dồi dào sức khỏe, thành công và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Kinh Đô.

**TRẦN KIM THÀNH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tập đoàn Kinh Đô





**TRONG NĂM NAY CÔNG TY SẼ TUNG MỘT SỐ SẢN PHẨM MỚI, HƯỚNG ĐẾN PHỤC VỤ NHU CẦU THIẾT YẾU HÀNG NGÀY CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG. ĐÂY LÀ MỘT PHẦN QUAN TRỌNG CỦA CHIẾN LƯỢC “FOOD AND FLAVOR” MÀ CHÚNG TÔI ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN, NHẪM KHAI THÁC TỐI ĐA TÍNH HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG PHÂN PHỐI.**

**TRẦN LỆ NGUYÊN**  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị & CEO Tập đoàn Kinh Đô

## THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo định hướng chiến lược dài hạn của Tập đoàn, chúng tôi vui mừng thông báo với Quý cổ đông rằng Kinh Đô đã thực hiện thành công giai đoạn 3 - “Lợi nhuận nhờ sự hiệu quả” trong năm 2012. Năm qua, Tập đoàn đã đạt được các kết quả khả quan mặc dù phải đối mặt với nhiều thử thách và thay đổi từ nền kinh tế. Trong đó, thành công nổi bật và đáng tự hào nhất là chúng tôi đã nỗ lực vượt qua khó khăn của môi trường kinh doanh để cơ bản hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận dựa trên chiến lược tập trung khai thác tốt nền tảng kinh doanh cốt lõi, tính kỷ luật của đội ngũ nhân sự cùng chiến lược quản trị tốt của ban điều hành.

### Kết quả hoạt động năm 2012

Năm 2012, chúng tôi đã chủ động cơ cấu lại danh mục sản phẩm của công ty, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, có biên lợi nhuận cao với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận từ doanh thu. Kết quả đạt được là chúng tôi đã cải thiện biên lợi nhuận gộp tăng từ 39,4% năm 2011 lên 43,6%. Tổng lợi nhuận gộp cũng tăng 200 tỷ đồng so với năm trước và tăng trưởng lợi nhuận của Kinh Đô cao hơn so với các công ty cùng ngành. Lợi nhuận trước thuế năm 2012 của Công ty đạt 490 tỷ đồng, tăng 40,3% so với năm 2011, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 9,1%, tăng 2% so với mức 7,2% của năm 2011.

Ngoài ra, chúng tôi đã cải thiện hiệu quả sử dụng vốn và giảm đáng kể nhu cầu vốn lưu động, giúp giảm chi phí lãi vay. Chi phí bán hàng và quản lý cũng được chúng tôi cơ cấu lại để danh mục sản phẩm của công ty phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, giúp khơi thông dòng chảy sản phẩm tới thị trường. Các chi phí chung đã ổn định và chúng tôi hướng tới đạt được kết quả cao hơn trong năm 2013 và những năm tiếp theo trong khi vẫn sử dụng lượng tài nguyên tài sản như cũ. Đặc biệt sau sáp nhập, việc chia sẻ các Dịch Vụ Bán Hàng, Marketing, Mua Hàng, Vận Chuyển và Tài Chính đã giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và làm gia tăng lợi nhuận. Đặc biệt, trong năm 2012 chúng tôi đã thực hiện việc quy hoạch thương hiệu và đã thu được những kết quả rất khả quan, đột phá nhất là nhãn hiệu Cosy được tung ra trong dịp Tết 2013 với doanh thu đạt 302 tỷ đồng.

### Định hướng hoạt động năm 2013

Trong năm 2013, chúng tôi sẽ tập trung vào giai đoạn 4 của quá trình chuyển đổi là “Tăng trưởng có lợi nhuận”, tiếp tục cải thiện hiệu quả của các khoản đầu tư của chúng tôi. Các thay đổi trong chiến lược sản phẩm và hoạt động sẽ tiếp tục được phát huy trong năm nay, điều này sẽ dẫn đến kết quả kinh doanh tốt hơn.

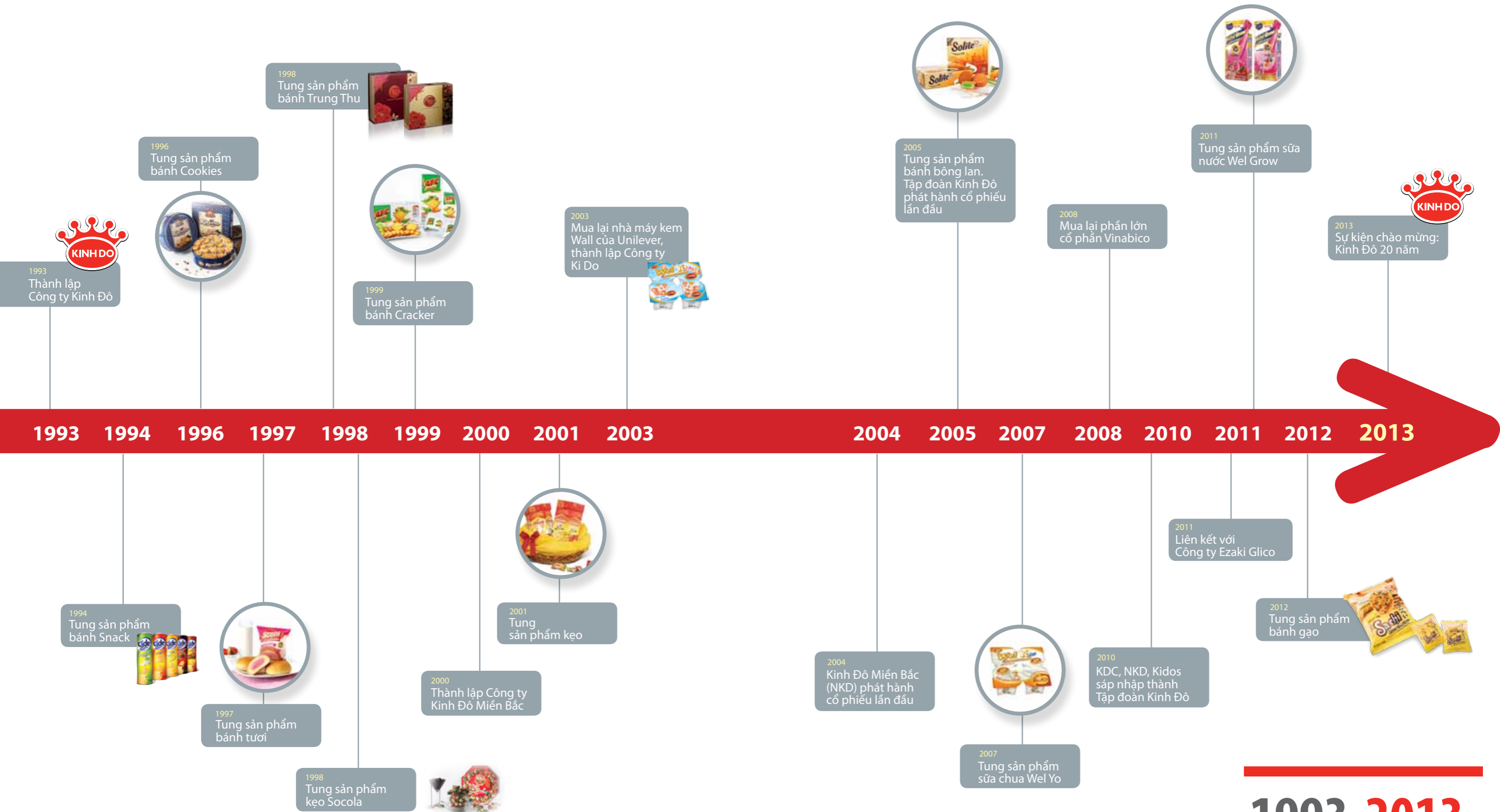
Một điểm nổi bật trong năm 2013 mà chúng tôi dự kiến sẽ thực hiện là thiết lập lại hệ thống thương hiệu như một phần trong chiến lược tăng trưởng để tận dụng tối đa khả năng sinh lời nói chung của các khoản đầu tư vào thương hiệu. Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, đầu tư vào thương hiệu. Chúng tôi cũng xem xét việc tận dụng sự tăng trưởng và độ nhận diện của thương hiệu Kinh Đô giúp tăng sự nhận diện của các thương hiệu sản phẩm khác để có được mức độ sinh lời tốt hơn.

Trong năm nay Công ty sẽ tung một số sản phẩm mới, hướng đến phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người tiêu dùng. Đây là một phần quan trọng của chiến lược “Food and Flavor” mà chúng tôi đã và đang thực hiện, nhằm khai thác tối đa tính hiệu quả của hệ thống phân phối.

Với nền tảng vững chắc đã được xây dựng trong những năm qua, đặc biệt là thành quả và những trải nghiệm của năm 2012, chúng tôi tự tin và sẵn sàng cho mục tiêu hoàn thành giai đoạn 4 - “Tăng trưởng có lợi nhuận”. Trong chặng đường sắp tới, chúng tôi vẫn luôn cần và đặc biệt tin tưởng rằng sự ủng hộ của Quý cổ đông, các Nhà Đầu Tư sẽ là một phần động lực quan trọng để chúng tôi tiếp tục vượt qua những trở ngại từ môi trường kinh doanh để hoàn thành kế hoạch và những cam kết với cổ đông.

**TRẦN LỆ NGUYÊN**  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị & CEO  
Tập đoàn Kinh Đô

# CỘT MỐC QUAN TRỌNG



# 1993-2013

## HOẠT ĐỘNG MARKETING

# Nâng tầm thương hiệu

Năm 2012 Kinh Đô đã tập trung tái định vị các nhãn sản phẩm chính, việc tái định vị này bao gồm việc quy hoạch và sáp nhập một số sản phẩm vào các nhãn hàng chủ lực, tập trung đầu tư cho các hoạt động truyền thông, marketing nhằm nâng cao mức độ nhận biết về thương hiệu sản phẩm, lòng trung thành của khách hàng, qua đó xây dựng thương hiệu mạnh hơn.



Luôn chủ động nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu thị trường và phục vụ người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng, an toàn và dinh dưỡng, trong năm qua, sản phẩm Kinh Đô tiếp tục nhận được sự tin yêu, ủng hộ và đánh giá cao của người tiêu dùng. Thương hiệu Kinh Đô cũng khẳng định uy tín với rất nhiều giải thưởng danh giá: Top 10 thương hiệu được yêu thích nhất, là thương hiệu thực phẩm duy nhất và 1 trong 25 thương hiệu 3 lần liên tiếp được bình chọn tham gia chương trình “Thương hiệu quốc gia”, danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 17 năm liên tục, thương hiệu được bình chọn “Sản phẩm Tin & Dành”...



98%

người tiêu dùng liệt kê Kinh Đô vào Top 10 Công ty yêu thích.

99%

người tiêu dùng đã từng mua và sử dụng sản phẩm của Công ty Kinh Đô.

87%

người tiêu dùng sử dụng thường xuyên sản phẩm của Kinh Đô.

Nguồn: Dự án “Đánh giá sức mạnh thương hiệu” đối với gần 450 Công ty trong ngành bánh kẹo với gần 900 nhãn hiệu do FTA thực hiện vào tháng 12-2012.



## NHÃN HÀNG

Năm qua, Kinh Đô sắp xếp lại hệ thống thương hiệu, tập trung quy hoạch các sản phẩm thành 4 nhóm chính như sau:

Nhóm sản phẩm ăn vặt (snacking):

**Món nhẹ ăn vặt**

Nhóm sản phẩm thực phẩm đóng gói:

**Món ngon mỗi ngày**

Nhóm sản phẩm biếu tặng trong dịp lễ hội:

**Thân tình ngày lễ**

Nhóm sản phẩm từ sữa gồm kem, yogurt, phô mai và các sản phẩm khác từ sữa



# MÓN NHẸ ĂN VUI

## NHÓM SẢN PHẨM ĂN VẶT (SNACKING)

### COSY

Năm 2012 đánh dấu bước ngoặt chuẩn hóa hình ảnh, sáp nhập các sản phẩm bánh quy ngọt và các nhãn hàng từ ngành cracker ngọt, bánh quế, Cookies và bánh xốp vào nhãn hàng bánh ngọt Cosy.

Việc quy hoạch này đã giúp cho Cosy đạt kết quả doanh thu rất khả quan trong năm qua.



### Solite

Bánh bông lan Solite của Kinh Đô đa dạng hương vị, là sự lựa chọn tuyệt vời để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc những người thân yêu cũng như phù hợp để làm quà biếu thật ý nghĩa.

Trong năm qua Solite đã thực hiện chương trình khuyến mại lớn cho người tiêu dùng. Năm 2013, nhãn hàng Solite sẽ tái tung toàn diện với thông điệp gần gũi hơn, hình ảnh mới hơn và phục vụ người tiêu dùng với chất lượng tốt hơn.



### AFC

Bánh quy mặn AFC của Kinh Đô được bổ sung nhiều dưỡng chất. Năm qua, chương trình khuyến mãi "AFC Cặp Bài Trùng - Tim ngon cho khô, tim khô cho ngon" đã thu hút sự tham gia nhiệt tình của hàng trăm ngàn người tiêu dùng.

Năm 2012 AFC tiếp tục củng cố vai trò dẫn đầu thị trường với thị phần 53%, mức nhận biết của thương hiệu tăng từ 73% lên 81%, và mức độ thâm nhập của sản phẩm đạt 79%.

### Sachi

Sachi là sản phẩm thuộc ngành hàng Snack của Kinh Đô. Năm 2012, Sachi đã tung thành công sản phẩm bánh gạo, đây là sản phẩm được gia công từ Công ty Guangzhou Big Want Food của Đài Loan - một Công ty hàng đầu thế giới về sản xuất bánh gạo.

Từ giống gạo Japonice cao cấp mang hương vị truyền thống Nhật Bản kết hợp khéo léo cùng tinh bột khoai tây và các gia vị đặc trưng đã tạo nên bánh gạo Sachi thơm giòn, hấp dẫn.



### Korento

Korento là nhãn hàng bánh cookies cao cấp dành cho những người thưởng thức sành điệu. Được sản xuất từ nguồn nguyên liệu thượng hạng nhập khẩu từ Châu Âu, những chiếc bánh cookies KORENTO mang đến trải nghiệm độc đáo cho người thưởng thức.

Năm 2012, Korento được tái tung với dòng sản phẩm hàng ngày và đã đạt mức tăng trưởng 180% so với năm 2011, dự kiến ngành hàng này sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong những năm tiếp theo.



## MÓN NGON MỖI NGÀY

### NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM ĐÓNG GÓI

Trong nhịp sống hiện đại, thời gian trở nên vô cùng quý giá, người tiêu dùng cần một món ăn tiện lợi, dinh dưỡng cho bữa sáng vội vã; bữa trưa làm muộn hay buổi tối làm khuya, học trễ... Đó là lý do Kinh Đô giới thiệu nhóm sản phẩm thực phẩm đóng gói như Bánh Mì Kinh Đô vừa tiện lợi lại vừa cung cấp đủ năng lượng.

Là sản phẩm bánh tươi, hạn sử dụng ngắn ngày, trong năm qua ngành hàng đã cải thiện hệ thống logistics, hệ thống đặt hàng, giao hàng, cải thiện dịch vụ phục vụ tại điểm bán để đảm bảo phục vụ sản phẩm tươi ngon một cách nhanh nhất... Trong năm 2013, Kinh Đô sẽ mở rộng sản phẩm, hướng đến phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người tiêu dùng.



## THÂN TÌNH NGÀY LỄ

### NHÓM SẢN PHẨM BIỂU TẶNG TRONG DỊP LỄ HỘI



### BÁNH TRUNG THU KINH ĐÔ

Từ lâu bánh Trung Thu Kinh Đô đã trở thành quà tặng không thể thiếu trong mùa Trung Thu, giúp người thân, bạn bè, đối tác, bày tỏ tình thân.

Đặc biệt trong năm qua, Kinh Đô không dừng lại ở việc cải tiến sáng tạo dòng bánh thượng hạng Trăng Vàng với chất lượng vượt trội, bao bì sang trọng mà còn đầu tư vào hàng trăm gian hàng Trăng Vàng với thiết kế riêng biệt, sang trọng nhằm mang đến cho người tiêu dùng những trải nghiệm thú vị qua các hoạt động thưởng thức bánh, uống trà và tư vấn sản phẩm tại chỗ. Kết quả là Kinh Đô tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường với sản lượng tiêu thụ 2.400 tấn, tăng 15% so với năm 2011, chiếm 76% thị phần.



## SẢN PHẨM TỪ SỮA

### GỒM KEM, YOGURT, PHÔ MAI VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÁC TỪ SỮA

Trong những năm qua, Kinh Đô đã thành công thông qua việc gia nhập ngành hàng mới là sản phẩm sữa và các sản phẩm từ sữa.

Ngoài sản phẩm kem có sự tăng trưởng ấn tượng với 2 nhãn hiệu Celano - dẫn đầu thị trường kem cao cấp tại Việt Nam và Merino, trong năm qua Kinh Đô đã cho ra đời các sản phẩm sữa chua Wel Yo, váng sữa Wel Cream, sữa tiệt trùng Wel Grow... Và trong thời gian tới, Kinh Đô sẽ đa dạng thêm các sản phẩm phục vụ người tiêu dùng.



## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC MARKETING NĂM 2013

Năm 2013 dự báo sẽ là năm sôi nổi với nhiều hoạt động của cả Công ty và của ngành hàng khi Công ty chuyển hướng tập trung hơn vào các hoạt động “kéo”. Điểm nhấn của năm sẽ là:

- Chiến dịch Kinh Đô 20 năm. Đây là cơ hội lớn để nâng cao hình ảnh thương hiệu Kinh Đô qua hoạt động nhằm gắn kết các nhãn hàng sản phẩm và đưa ra một thông điệp xuyên suốt, kết nối truyền thông về Tết và Trung Thu của Kinh Đô. Trọng tâm của chiến dịch là các hoạt động khuyến mãi người tiêu dùng với mục tiêu sẽ gây được hiệu ứng mạnh cho khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch và tái định vị các nhãn hàng, tập trung vào các nhãn hàng chủ lực, gắn gũi với người tiêu dùng, gồm các hoạt động truyền thông, bao bì, POSM, hoạt động trên kênh, khuyến mãi, sampling... như Bánh Mì Kinh Đô (các sản phẩm cung cấp năng lượng hàng ngày), bánh bông lan Solite, Cosy, AFC, Korento, bánh Trung Thu Trăng Vàng...
- Tung sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người tiêu dùng.

## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG



Kinh Đô luôn chú trọng đảm bảo chất lượng, vệ sinh thực phẩm và thực hiện nghiêm ngặt tiêu chí sản xuất xanh sạch, thân thiện với môi trường.

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự tồn tại và phát triển của đời sống con người và là một trong những mối quan tâm hàng đầu của nhân loại. Là Tập đoàn thực phẩm, Kinh Đô không chỉ chú trọng đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm mà chúng tôi luôn ý thức và cam kết thực hiện trách nhiệm môi trường bằng những hành động cụ thể, thiết thực và toàn diện xuyên suốt quá trình hoạt động, phát triển của Tập đoàn.

- Sản xuất xanh sạch, thân thiện với môi trường.
- Hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực.
- Kiểm soát chất thải vào môi trường, đầu tư trang thiết bị xử lý hiện đại.

### SẢN XUẤT XANH SẠCH, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp thực phẩm, Kinh Đô không chỉ chú trọng đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm mà Công ty luôn ý thức và thực hiện nghiêm ngặt tiêu chí sản xuất xanh sạch, thân thiện với môi trường với tinh thần phát triển và kinh doanh các sản phẩm dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe người tiêu dùng và không gây tác động xấu đến môi trường sống. Trong quá trình sản xuất, Kinh Đô luôn chọn và sử dụng nguồn nguyên liệu có chất lượng tốt nhất, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được chọn lọc kỹ càng từ những nhà cung cấp uy tín. Hơn nữa, chúng tôi đặc biệt chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới mang tính sáng tạo và liên tục cải tiến, đáp ứng xu hướng thưởng thức của người tiêu dùng không chỉ bằng chất lượng thơm ngon mà còn giàu dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe.

### HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CHUẨN MỰC

Các sản phẩm của Kinh Đô được sản xuất trên hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại khép kín thuộc dạng tiên tiến nhất trên thế giới theo công nghệ Châu Âu. Công ty đã áp dụng các quy trình quản lý chất lượng chuẩn mực vào sản xuất như hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do tổ chức Bureau Veritas Certification đánh giá và chứng nhận, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22.000:2005, hệ thống HACCP - hệ thống đảm bảo vệ sinh trong sản xuất và hệ thống GMP - Thực hành sản xuất tốt (GMP - Good Manufacturing Practice), hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management). Với mô hình nhà máy hiện đại, mọi sản phẩm của Công ty được sản xuất hoàn toàn tự động, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

### KIỂM SOÁT CHẤT THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG, ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ XỬ LÝ HIỆN ĐẠI

Kinh Đô nhận diện và đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp đối với tất cả các hình thái chất thải vào môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất. Công ty trang bị hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường và liên tục cải tiến ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, hợp lý hóa trong các dây chuyền sản xuất, để đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường. Công ty xây dựng ý thức bảo vệ môi trường từ Lãnh đạo tới người lao động, Nhà máy tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của cơ quan chức năng, xây dựng môi trường làm việc thân thiện môi trường.

## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Sau 20 năm hình thành và phát triển, Kinh Đô hiện nay là một thương hiệu danh tiếng và trở thành một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Chúng tôi hiểu rằng, để đạt được những thành công đó, bên cạnh việc thực hiện tốt các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn thì một trong những yếu tố quan trọng là sự yêu mến, ủng hộ của người tiêu dùng đối với sản phẩm, thương hiệu Kinh Đô.



Chính vì thế, Kinh Đô không ngừng nỗ lực đáp lại những cảm tình quý giá đó bằng việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng thông qua những chương trình thiết thực và ý nghĩa. Cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp được Kinh Đô thực hiện trên tất cả các lĩnh vực: sản xuất, phát triển sản phẩm, chăm lo cho cộng đồng và được Công ty đặc biệt quan tâm, duy trì xuyên suốt quá trình hoạt động.

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, Kinh Đô luôn chủ động tạo ra nhiều chương trình mang tính nhân văn đồng thời luôn tích cực tham gia đóng góp vào những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội. Đặc biệt, Kinh Đô luôn dành sự quan tâm và hỗ trợ thiết thực cho học sinh sinh viên - thế hệ trẻ của đất nước qua rất nhiều

chương trình ý nghĩa như ủng hộ các quỹ học bổng, các cuộc thi dành cho sinh viên - học sinh, trang bị phòng học máy tính cho các trường vùng sâu, tổ chức chương trình tham quan kết hợp giao lưu và chia sẻ kiến thức cho sinh viên các trường đại học tại Nhà máy của Kinh Đô...

Nhiều năm qua, Kinh Đô luôn đồng hành và tích cực ủng hộ các chương trình xã hội của UBMTTQ Tp.HCM, Hội Bảo Trợ Bệnh Nhân Nghèo; tổ chức các chuyến thăm và trực tiếp tặng quà cho các hộ gia đình khó khăn và cho các trẻ em nghèo, hiếu học vào các dịp Lễ, Tết... Thông qua các hoạt động xã hội ý nghĩa đã tạo nên hình ảnh đẹp cũng như niềm tin yêu, ủng hộ của cộng đồng đối với thương hiệu Kinh Đô.



# PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Triết lý của Kinh Đô  
là thu hút nhân tài giỏi  
bằng cách là Công ty  
tốt nhất

Kinh Đô đặc biệt chú  
trọng nâng cao chất  
lượng nguồn nhân lực  
trong chiến lược phát  
triển toàn diện và bền  
vững của Công ty.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC



### TRẦN KIM THÀNH

Người sáng lập Tập đoàn Kinh Đô  
Chủ tịch HĐQT

*“Một nhà lãnh đạo có tầm nhìn, đã dẫn dắt Kinh Đô vượt qua môi trường kinh doanh phức tạp để tạo ra một trong những Tập đoàn thành công nhất Việt Nam.”*

Với nhiều năm kinh nghiệm điều hành và quản trị doanh nghiệp cùng tầm nhìn xa trông rộng, nắm bắt cơ hội, phân tích rủi ro và quyết định đầu tư táo bạo để đạt mục tiêu, Ông đã đưa Kinh Đô phát triển vượt bậc trở thành Tập đoàn thực phẩm hàng đầu Việt Nam. Bằng khả năng và sự nhạy bén của mình, Ông đã thành công trong việc hoạch định chiến lược và tổ chức hệ thống quản lý điều hành Công ty Kem KiDo, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận cao sau khi mua lại nhà máy kem Wall's từ Unilever. Chiến lược lãnh đạo của Ông tại Kinh Đô là tạo ra một Công ty tốt nhất với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và quy trình vận hành hoàn hảo. Hiện Ông Thành là Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Kinh Đô và là Thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều Công ty tầm cỡ tại Việt Nam; đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng và phát triển của đất nước. Ông còn là Ủy viên Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Ông đã nhận được rất nhiều bằng khen của Trung ương và địa phương về sự đóng góp cho nền kinh tế - xã hội của Việt Nam.



### TRẦN LÊ NGUYÊN

Đồng sáng lập Tập đoàn Kinh Đô  
Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc Tập đoàn

*“Một nhà lãnh đạo cương quyết, táo bạo đã góp phần quan trọng xây dựng Kinh Đô phát triển thành một trong những Tập đoàn danh tiếng tại Việt Nam và mong muốn thương hiệu Kinh Đô luôn trường tồn.”*

Là một doanh nhân thành đạt với những thành tích kinh doanh nổi bật trong vài thập niên qua, Ông Nguyên đã đưa Kinh Đô phát triển thần tốc suốt các năm qua. Dưới sự lãnh đạo và điều hành của Ông, Kinh Đô đã trở thành thương hiệu nổi tiếng nhất tại Việt Nam với chuỗi sản phẩm đa dạng, thống lĩnh thị trường. Ông đã thành công trong quyết định mua lại nhà máy kem Wall's của Unilever và đã lãnh đạo KiDo phát triển ngành hàng này cho đến ngày nay. Hiện nay Ông đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm CEO của Tập đoàn Kinh Đô. Ông còn là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ chức vụ quan trọng trong các Công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



### VƯƠNG BỬU LINH

Đồng sáng lập Tập đoàn Kinh Đô  
Thành Viên HĐQT

Bà Vương Bửu Linh là một trong những thành viên sáng lập, đã gắn bó và điều hành Kinh Đô ngay từ những ngày đầu thành lập. Bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng (Supply Chain) và đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Tập đoàn Kinh Đô và các Công ty con, dẫn đến việc hạ giá thành, ổn định chất lượng nhằm tăng sức cạnh tranh cho Công ty. Bà là người định hướng chiến lược ứng dụng ERP của SAP vào Kinh Đô, giúp nâng cao khả năng quản lý hiệu quả và ra quyết định nhanh chóng, chính xác trong toàn hệ thống Kinh Đô. Hiện nay Bà Linh là Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám Đốc của Tập đoàn Kinh Đô.



### VƯƠNG NGỌC XIÊM

Đồng sáng lập Tập đoàn Kinh Đô  
Thành Viên HĐQT

Bà Vương Ngọc Xiêm là một trong những thành viên sáng lập, đã tham gia điều hành Kinh Đô từ những ngày đầu thành lập. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý mảng hoạt động, đặc biệt là mảng bán lẻ và xuất khẩu của Kinh Đô. Với những kinh nghiệm quản lý và khả năng lãnh đạo nhạy bén, Bà đã có những đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng của Tập đoàn kể từ khi thành lập. Hiện nay, Bà là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Kinh Đô.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC



### **WANG CHING HUA**

*Đồng sáng lập Tập đoàn Kinh Đô  
Thành Viên HĐQT*

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến và sản xuất thực phẩm và là một trong những thành viên sáng lập giúp thiết lập nên hệ thống sản xuất của Công ty. Từ đó đến nay, ông là nhân tố chủ chốt giúp phát triển và mở rộng quy mô sản xuất của Kinh Đô trên toàn quốc. Ông hiện nay là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Kinh Đô.

### **TRẦN QUỐC NGUYỄN**

*Thành Viên HĐQT  
Tổng Giám Đốc Công ty Kido*

Ông Nguyễn có hơn 16 năm kinh nghiệm về quản lý và điều hành các Công ty thành viên trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuộc Tập đoàn Kinh Đô. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ như thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc các Công ty thành viên trong Tập đoàn Kinh Đô. Ông hiện nay là Tổng Giám Đốc Công ty Kido, thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Kinh Đô.

### **MÃ THANH DANH**

*Thành Viên HĐQT*

Ông Danh tốt nghiệp Kỹ sư ngành Điện, Cử nhân ĐH Kinh Tế ngành Quản trị Kinh doanh, MBA ngành Chiến lược Kinh Doanh Quốc Tế & Quản Trị Thương Hiệu của Vương quốc Bỉ. Ông có trên 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Tài chính; Tư vấn chiến lược & Quản trị thương hiệu; Tư vấn sáp nhập Công ty. Đặc biệt, giai đoạn từ năm 1997 – 2001, Ông phụ trách phát triển kinh doanh của SBU Buns và ngành bánh tươi đầu tiên của Kinh Đô. Ông cũng từng giữ các chức vụ: Giám Đốc Tài Chính - Công ty Truyền hình Cấp BSC thuộc HTVC; Trưởng Phòng Kinh Doanh Công ty CP Thực Phẩm & Nước Giải Khát Dona New Tower, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Sáng Tạo Vina .

### **CÔ GIA THỌ**

*Thành Viên HĐQT*

Ông là thành viên HĐQT của Tập đoàn Kinh Đô. Ông là người sáng lập nên Tập đoàn Thiên Long và hiện là Chủ tịch HĐQT. Ông cũng là Thành viên HĐQT của nhiều Công ty khác. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh tại Việt Nam và đóng góp rất nhiều cho sự tăng trưởng của Kinh Đô.

### **NGUYỄN VĂN THUẬN**

*Thành Viên HĐQT*

Ông là thành viên HĐQT của Tập đoàn Kinh Đô. Đồng thời là Tiến sĩ Kinh Tế, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Mở Tp.HCM. Ông có hơn 29 năm giảng dạy trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và rất am hiểu thị trường tài chính ngân hàng ở Việt Nam. Bên cạnh hoạt động chuyên môn tại Trường Đại Học Kinh Tế Tp.HCM (20 năm) và Trường ĐH Mở Tp.HCM, Ông còn tham gia tư vấn và cố vấn tài chính cho nhiều Công ty, các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

## BAN KIỂM SOÁT



**LÊ CAO THUẬN**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Tham gia Kinh Đô từ những ngày đầu thành lập, Ông Thuận gắn bó và am hiểu sâu sắc quá trình hoạt động và phát triển của Tập đoàn Kinh Đô. Ông là một trong những người đầu tiên tham gia xây dựng Công ty Kinh Đô Miền Bắc và có những đóng góp quan trọng trong việc đưa Công ty phát triển như ngày hôm nay.

Ông Thuận tốt nghiệp thủ khoa Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường đại học Benedictine – Hoa Kỳ, Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế và đã hoàn thành chương trình Đại học Bách Khoa Hà Nội, văn bằng 2 ngành Toán Tin ứng dụng. Hiện Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính của Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc kiêm Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty CP Kinh Đô.



**VÕ LONG NGUYÊN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyên tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Quản trị Kinh doanh; đạt Chứng Chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp và là một trong những nhà môi giới đầu tiên của thị trường OTC Việt Nam. Ông có trên 11 năm kinh nghiệm trong hoạt động đầu tư.



**LƯƠNG MỸ DUYÊN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Duyên công tác tại Kinh Đô từ năm 1993 qua các vị trí: Kế toán Tổng hợp và Phó Phòng Kế Toán Công ty TNHH XD & CBTP Kinh Đô, Kế Toán Trưởng chi nhánh Công ty TNHH XD & CBTP Kinh Đô. Năm 2006 đến nay, Bà Duyên là Kế Toán Trưởng, Công ty CP Địa Ốc Kinh Đô. Bà Duyên tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán. Tham gia Kinh Đô từ những ngày đầu thành lập, Bà Duyên gắn bó và am hiểu sâu sắc quá trình hoạt động và phát triển của Kinh Đô và các công ty thành viên, đặc biệt là hoạt động tài chính, kế toán của Công ty.

## BAN GIÁM ĐỐC



**NGUYỄN KHẮC HUY**  
COO Tập đoàn Kinh Đô

Ông Nguyễn Khắc Huy gia nhập Kinh Đô từ tháng 10 năm 2009. Ông đã trải qua hơn 23 năm kinh nghiệm làm việc tại các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore với nhiều vị trí quan trọng như: Giám Đốc điều hành cho 03 Công ty công nghệ cao tại Mỹ, Phó Tổng Giám Đốc Marketing một Công ty Supply Chain tại Singapore, Luật sư trưởng kiêm Giám Đốc khối tư vấn cho một Công ty quản lý Quỹ của Hàn Quốc, Giám Đốc điều hành cho một Công ty Tư vấn Chiến lược tại Việt Nam trong lĩnh vực viễn thông, thép, hóa chất, FMCG và ngân hàng.

Ông từng tham gia tư vấn cho các dự án phát triển kinh tế được tài trợ bởi các tổ chức phi chính phủ như World Bank, UNCTAD, WTO, EU, ITC... đồng thời tham gia giảng dạy các chương trình MBA của Mỹ tại Việt Nam, Singapore và Malaysia.

Ông tốt nghiệp tiến sĩ luật tại Chicago - Kent College of Law (1997), MBA tài chính tại Illinois Institute of Technology, BA in Economics tại California State University Long Beach.



**KELLY WONG**  
CFO Tập đoàn Kinh Đô

Ông Kelly Wong gia nhập Tập đoàn Kinh Đô vào tháng 08/2011. Ông từng là Giám Đốc điều hành Công ty chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC) tại Việt Nam.

Tại đây ông góp phần thành lập đội ngũ Đầu tư và tư vấn doanh nghiệp, từng nhận được giải thưởng Rising Star Domestic Investment Bank tại Việt Nam năm 2011 do Triple A Country Awards trao tặng. Trong nhiều thương vụ ông đã từng tham gia, ông dẫn đầu trong các thương vụ M&A trong ngành báo chí, truyền thông, tiêu dùng, thực phẩm và nước giải khát.

Trước khi gia nhập HSC năm 2008, ông Wong làm việc cho HSBC trong 4 năm và có nhiều kinh nghiệm về tài chính, ngân hàng thương mại và thị trường toàn cầu. Ông Wong có bằng cử nhân Thương mại của Đại học British Columbia tại Vancouver, Canada và bằng Quản trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Học viện Quản lý McRae tại Đại học Capilano.

## BAN GIÁM ĐỐC



**LÊ ANH QUÂN**  
Phó Tổng Giám Đốc  
Tiếp Thị

Ông có 20 năm kinh nghiệm quản lý và xây dựng thương hiệu trong nhiều ngành khác nhau từ truyền thông, hàng tiêu dùng đến thương mại điện tử. Trước khi gia nhập Tập đoàn Kinh Đô, Ông từng là Giám Đốc thương mại kênh truyền hình HTV2, Giám Đốc ngành hàng tại Công ty Unilever Việt Nam, Giám Đốc tiếp thị tại Công ty Walt Disney, Giám Đốc Công ty Diethem (DKSH). Ông tốt nghiệp MBA trường Đại học California tại Los Angeles (UCLA Anderson).



**NGUYỄN XUÂN LUÂN**  
Phó Tổng Giám Đốc  
phụ trách Hệ thống

Ông Luân là người đã gắn bó với Tập đoàn Kinh Đô suốt một chặng đường gần 18 năm qua. Tại Kinh Đô ông Luân đã phụ trách rất nhiều lĩnh vực khác nhau của Tập Đoàn như phát triển thị trường xuất khẩu, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, trực tiếp điều hành tất cả các dự án triển khai hệ thống phần mềm SAP-ERP, SAP-HCM, SAP-BI cho các công ty KDC, NKD, BKD, KIDO. Trong lĩnh vực quản lý kinh doanh, Ông đảm nhiệm nhiều chức vụ như Chủ Tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc của các công ty thành viên trong Tập Đoàn Kinh Đô.

Hiện nay ông Luân đang phụ trách việc xây dựng hệ thống vận hành của Tập đoàn và hệ thống phân tích thông tin phục vụ ra quyết định của Tập đoàn Kinh Đô. Bên cạnh đó, ông Luân cũng trực tiếp quản lý một SBU mới chuyên về các sản phẩm cao cấp nhập khẩu.



**TRẦN QUỐC VIỆT**  
Phó TGD Tập đoàn,  
TGD Kinh Đô Miền Bắc

Ông Việt đã có trên 16 năm kinh nghiệm quản lý điều hành các Công ty sản xuất ngành hàng tiêu dùng. Ông trực tiếp điều hành Công ty Kinh Đô Miền Bắc đạt được những bước tiến vượt bậc trong 9 năm qua. Ông hiện là Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Marketing Việt Nam (VMA). Ủy Viên Ban chấp hành Hội khoa học kỹ thuật An toàn thực phẩm Việt Nam (VINAFOSA), Chuyên gia nghiên cứu, tư vấn chính sách về Quản trị Kinh doanh. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Tiến sĩ Kinh tế thuộc trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

## BAN GIÁM ĐỐC



**BÙI THANH TÙNG**  
Phó Tổng Giám Đốc

Ông có trên 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị sản xuất và đặc biệt am hiểu mô hình hoạt động vận hành theo SBU. Hiện Ông giữ vị trí Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn và Chủ tịch Công Đoàn của Tập đoàn. Ông tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh - Trường Đại Học Kinh Tế và khóa đào tạo kỹ năng lãnh đạo cấp cao của trường Đại học UCLA, Los Angeles, Mỹ.



**MAI XUÂN TRẦM**  
Phó TGD Tập đoàn,  
TGD Vinabico

Ông là một trong những người đầu tiên xây dựng và vận hành hệ thống phân phối của Kinh Đô. Ông đã tham gia Công ty Kinh Đô ngay từ những ngày đầu tiên và có sự am hiểu sâu sắc về Công ty, mức độ cạnh tranh và thị trường Việt Nam.

Ông đã tốt nghiệp MBA tại trường California Miramar University (Mỹ).



**TRẦN TIẾN HOÀNG**  
Phó Tổng Giám Đốc  
chuỗi Cung ứng

Ông Hoàng gia nhập Tập đoàn Kinh Đô từ năm 1997 với vai trò quản lý hệ thống các nhà phân phối khu vực Miền Trung và Miền Bắc. Ông có hơn 13 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành hệ thống mua hàng trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (FMCG). Ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám Đốc năm 2011.

Hiện Ông quản lý nhóm giá thành của Công ty, đồng thời giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược quản lý đơn mua hàng của cả Tập đoàn. Ông tốt nghiệp cử nhân trường Đại Học Kinh Tế và khóa học về đào tạo kỹ năng lãnh đạo cấp cao của Trường Đại học UCLA, Los Angeles, Mỹ.

## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**BẰNG TÂM NHÌN VÀ HOẠCH ĐỊNH  
CHIẾN LƯỢC ĐÚNG ĐẮN, BAN LÃNH  
ĐẠO KINH ĐÔ ĐÃ DẪN DẮT TẬP ĐOÀN  
VƯỢT QUA NHỮNG THÁCH THỨC CỦA  
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐỂ PHÁT  
TRIỂN VỮNG MẠNH.**

---

- Phiên họp ngày 13/04/2012 thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông.
- Phiên họp ngày 23/04/2012 thông qua báo cáo tài chính quý I năm 2012.
- Phiên họp ngày 24/05/2012 thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, cho Ban Điều hành và chào bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV.
- Phiên họp ngày 02/07/2012 thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, chi trả cổ tức đợt 2/2011 với tỷ lệ 12%, ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng VIB.
- Phiên họp ngày 23/07/2012 thông qua việc lựa chọn Ernst & Young làm đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2012, thông qua việc ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Standard Chartered Việt Nam – London, và với ngân hàng UOB Singapore, ngân hàng UOB Việt Nam, và ngân hàng VIB.
- Phiên họp ngày 18/10/2012 tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm, tổng kết mùa vụ Trung Thu, thông qua báo cáo tài chính quý III năm 2012.



## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
2	Trần Lệ Nguyễn	Phó Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
3	Wang Ching Hua	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
4	Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
5	Cô Gia Thọ	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
6	Vương Ngọc Xiêm	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
7	Trần Quốc Nguyên	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
8	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
9	Mã Thanh Danh	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
10	Lê Cao Thuận	Trưởng BKS	6/6	100%	
11	Võ Long Nguyên	Thành viên BKS	6/6	100%	
12	Lương Mỹ Duyên	Thành viên BKS	6/6	100%	

### Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	2405/2012/NQ-HĐQT	24/05/2012	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng
2	05/HĐQT – KDC	24/05/2012	Phương án phát hành cổ phiếu ESOP
3	0207/2012/NQ-HĐQT	02/07/2012	Chi trả cổ tức đợt 2/2011
4	0307/2012/NQ-HĐQT	02/07/2012	Ký HĐTD với NH VIB
5	2307/2012/NQ-HĐQT	23/07/2012	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
6	2407/2012/NQ-HĐQT	23/07/2012	Ký HĐTD dài hạn với Standard Chartered VN-London, UOB Singapore, UOB-VN

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

- Hoạt động giám sát thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc tại cuộc họp báo cáo quý.
- Do đặc trưng trong cơ cấu tổ chức, sáu (06) thành viên HĐQT cũng là thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc, vì vậy các thông tin, hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc được HĐQT nắm rõ và quản lý hiệu quả.

### Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Đến hết Quý IV năm 2012, Công ty chưa thành lập các tiểu ban.

### Giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện GD	Quan hệ với CĐ nội bộ, CĐ lớn	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Lê Anh Quân	Phó TGD	5.550		4.660	0,003%	Thưởng + Bán
2	Võ Long Nguyên	Thành viên Ban Kiểm soát	1.875		2.250	0,001%	Mua + Bán + Thưởng
3	Bùi Thanh Tùng	Phó TGD	5.000		6.000	0,003%	Thưởng
4	Trần Tiến Hoàng	Phó TGD	132.482		15.000	0,001%	Bán + Thưởng
5	Trần Lệ Nguyễn	CEO	9.726.149		13.498.668	8,44%	Mua + Thưởng
6	Nguyễn Xuân Luân	Phó TGD	100.002		0	0%	Thưởng + Bán
7	Lê Cao Thuận	Trưởng Ban Kiểm soát	37.482		2.242	0,002%	Thưởng + Bán
8	Trần Quốc Việt	Phó TGD	35.528		228	0,000%	Bán + Thưởng

### Giao dịch của cổ đông lớn

STT	Tổ chức/ Cá nhân	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Deutsche Bank AG London	6.663.654	5,16%	6.899.184	5,23%	Mua
	Deutsche Asset Management	164.609	0,103%	1.601.822	1,002%	Mua
2	Deutsche Bank Atiengesellschaft	6.808.544	4,257%	6.098.844	4,62%	Mua/ Bán/Thưởng
3	Dempsey Hill Capital Pte Ltd	7.981.831	4,98%	7.922.631	5,00%	Mua
4	Trần Lệ Nguyễn	9.726.149	7,28%	13.498.668	8,44%	Mua + Thưởng
5	Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	0	0%	13.043.112	8,156%	Mua + Thưởng

### Giao dịch của người có liên quan

STT	Người thực hiện GD	Quan hệ với CĐ nội bộ, CĐ lớn	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Vương Thu Lệ	Vương Ngọc Xiêm	2.306		1.547	0,001%	Bán + Thưởng
2	Công ty cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Trần Kim Thành	0		13.043.112	8,16%	Mua + Thưởng
3	Vương Bửu Đình	Mã Thanh Danh	208.876		195.936	0,12%	Bán + Thưởng
4	Vương Thu Bình	Vương Ngọc Xiêm	600.639		0	0,00%	Bán
5	Vương Ngân Hào	Vương Ngọc Xiêm	2.000		0	0,00%	Bán

## CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN



### CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Hoạt động chính: chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất kẹo, nước tinh khiết, và nước ép trái cây, mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Tỷ lệ sở hữu: 99,8%

### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH ĐÔ MIỀN BẮC

Địa chỉ: Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Hoạt động chính: sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

Tỷ lệ sở hữu: 100%

### CÔNG TY TNHH KIDO

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

Tỷ lệ sở hữu: 100%

### CÔNG TY CỔ PHẦN VINABICO

Địa chỉ: 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Tỷ lệ sở hữu: 51,2%

### CÔNG TY TNHH TÂN AN PHƯỚC

Địa chỉ: 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Việt Nam.

Hoạt động chính: Kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Tỷ lệ sở hữu: 49%



### CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THÀNH THÁI

Địa chỉ: 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Tỷ lệ sở hữu: 30%

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LAVENUE

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Tỷ lệ sở hữu: 50%





## NHÂN SỰ

Kinh Đô luôn hướng đến chiến lược xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

Song hành với chiến lược phát triển kinh doanh, Công ty Kinh Đô đặc biệt chú trọng vào yếu tố con người trong chiến lược phát triển toàn diện và bền vững của Công ty.

Trong suốt 20 năm qua, Nguồn Nhân lực chính là tài sản quan trọng nhất của Kinh Đô, đó là sự kết hợp của những con người khác nhau, sự đa dạng về văn hóa và sự dày dặn kinh nghiệm trong ngành. Bằng chính chiến lược quản trị nhân sự hợp lý, chính sách đãi ngộ tốt, cạnh tranh và hấp dẫn, Kinh Đô đã xây dựng được một đội ngũ nhân tài có tầm nhìn, có nhiệt huyết, họ là người có nhiều kinh nghiệm, có kiến thức về ngành hàng, đảm bảo cho chiến lược tăng trưởng của Kinh Đô.

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Có một triết lý mang tính nền tảng cho quá trình quản lý và phát triển nguồn nhân sự là "Nếu con người là tài nguyên quý nhất của một quốc gia thì CON NGƯỜI PHÙ HỢP mới là tài sản quý nhất của một doanh nghiệp". Để mở rộng nguồn nhân lực cho sự phát triển tương lai, Kinh Đô đã và đang tiếp tục tìm kiếm và phát triển nhân tài trong nội bộ và cả bên ngoài trở thành những con người có năng lực cạnh tranh nhất trên thị trường lao động và là tài sản vô giá mà Công ty đang sở hữu. Điều đó được thực hiện qua các mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu nhân sự theo chiến lược phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.
- Khai thác tối đa nguồn lực con người để tạo ra hiệu quả công việc tối ưu cho tổ chức.
- Luôn chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân tài.
- Luôn cải thiện các mối quan hệ lao động.



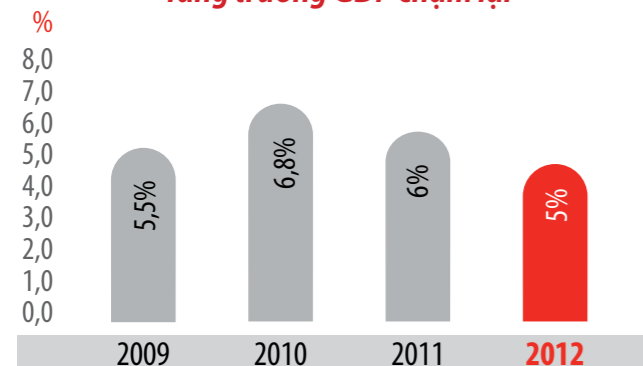
Tại Kinh Đô, chúng tôi luôn tạo điều kiện để CBCNV trau dồi và nâng cao năng lực chuyên môn nhằm phát huy hết tính sáng tạo, tính năng động, tính tiên phong cùng với lòng nhiệt huyết yêu nghề của họ. Chúng tôi đánh giá cao năng lực, thái độ và khả năng cống hiến của đội ngũ nhân sự. Chính sự tăng trưởng liên tục trong kinh doanh đã giúp Kinh Đô đủ điều kiện đảm bảo các chính sách lương & đãi ngộ hấp dẫn cạnh tranh thu hút được nhiều nhân tài. Triết lý của Kinh Đô là thu hút nhân tài giỏi nhất bằng cách là Công ty tốt nhất.

# ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong bối cảnh năm 2012 đầy thách thức, Tập đoàn Kinh Đô đã đạt được các kết quả khả quan mặc dù phải đối mặt với nhiều thử thách. Sau một khoảng thời gian dài Việt Nam có tốc độ tăng trưởng thấp cùng lạm phát cao, niềm tin người tiêu dùng sụt giảm trong nửa đầu năm. Tiếp đó là một giai đoạn biến động của thị trường tài chính - ngân hàng làm ảnh hưởng đến lòng tin của số đông trên thị trường. Đến cuối năm, tình hình kinh tế vĩ mô vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục đáng kể, nên môi trường kinh doanh nhìn chung vẫn đầy khó khăn.

**Tăng trưởng GDP chậm lại**

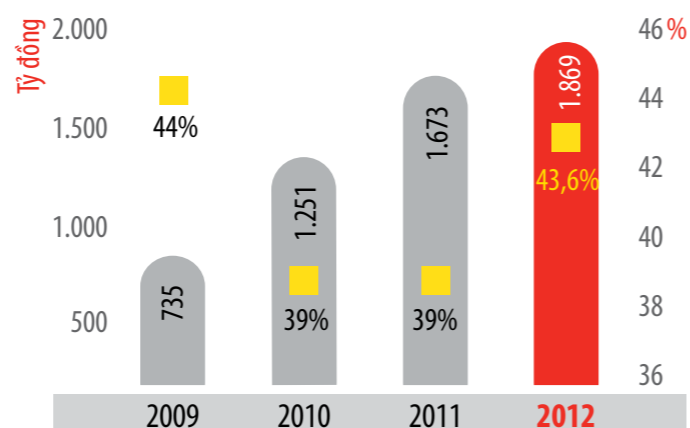


Năm qua, mặc dù tình hình đã tốt hơn nhiều so với năm 2011 nhưng khả năng phục hồi kinh tế ở Việt Nam vẫn còn để ngỏ. Trong tình hình đó, chúng tôi vẫn giữ vững lộ trình cải thiện hiệu quả của hệ thống hoạt động mới và đạt được kết quả khả quan hơn trước, tăng tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu từ 7,2% lên 9,1%. Kết quả này đã khẳng định tính kỷ luật, khả năng điều hành, và mức độ tập trung cao của Ban Giám Đốc để đạt được các mục tiêu đặt ra ban đầu. Như vậy, giai đoạn 3 "Lợi nhuận nhờ sự hiệu quả" đã kết thúc thành công và mục tiêu của chúng tôi là hoàn thành giai đoạn 4 - "Tăng trưởng có lợi nhuận", của quá trình tái cấu trúc trong năm nay.

## KẾT QUẢ NĂM 2012

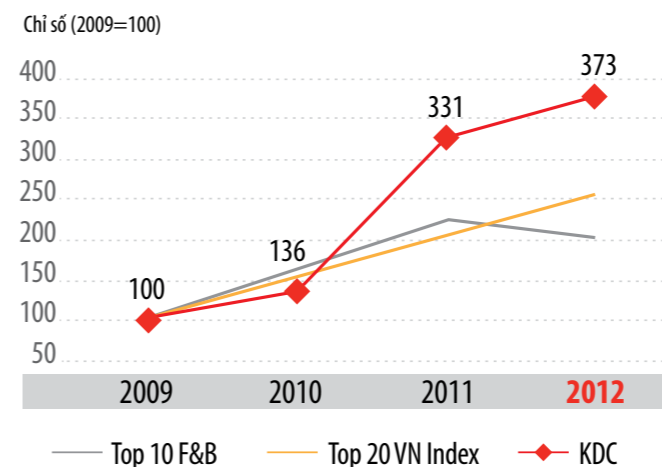
Trong năm 2012, Công ty đã phải đối mặt với nhiều thách thức vĩ mô nên chủ động thực hiện chiến lược tập trung cải thiện hiệu quả để tăng lợi nhuận. Năm vừa qua, Tổng doanh thu Tập đoàn tăng 0,9% so với năm trước, đạt mức 4.285 tỷ đồng. Tăng trưởng chủ yếu về sản lượng trên tất cả các mặt hàng giúp hạn chế ảnh hưởng của việc tăng trưởng giá bình quân thấp hơn. Năm 2012, chúng tôi tập trung vào tăng trưởng sản lượng, qua đó gia tăng giá trị mang lại cho người tiêu dùng. Cùng với việc tăng trưởng sản lượng, chúng tôi cũng tinh lọc lại toàn bộ hệ thống danh mục sản phẩm trong nửa cuối năm, qua đó thúc đẩy đội ngũ sales của chúng tôi tập trung vào một lượng chọn lọc hơn các SKU chủ lực để tối đa hóa lợi nhuận. Điều này đã giúp biên lợi nhuận gộp tăng mạnh lên 43,6% (từ mức 39,4% trong năm 2011) và dự kiến giữ vững suốt năm 2013.

**Biên lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể sau giai đoạn 3**

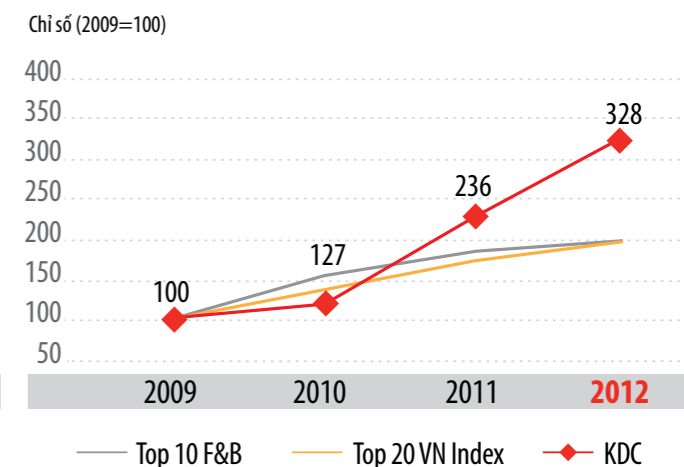


Về mặt hoạt động, toàn bộ quy trình của Công ty đã được rà soát và chuyển đổi trong năm 2012. Thực tế, dự án này đã được bắt đầu vào năm 2011 sau khi các Công ty thực phẩm con được sáp nhập lại. Sau khi tích hợp nguồn lực dưới hệ thống của KDC, Ban Giám Đốc đã dành một phần lớn thời gian trong năm 2012 để rà soát lại các quy trình để gia tăng hiệu quả hoạt động tạo ra biên lợi nhuận tốt hơn. Việc này đã dẫn đến việc sắp xếp lại chuỗi cung ứng và các dự án tối đa hóa hiệu quả của nhiều công đoạn hoạt động bao gồm: mua hàng, sản xuất, chuyên chở, bán hàng và phân phối. Việc tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả đã giúp hạn chế gia tăng chi phí chung về bán hàng và quản lý trong năm 2012, tiếp tục phát huy tác dụng trong năm 2013 khi chúng tôi thực hiện cho cả năm thay vì chỉ nửa năm như trong năm 2012.

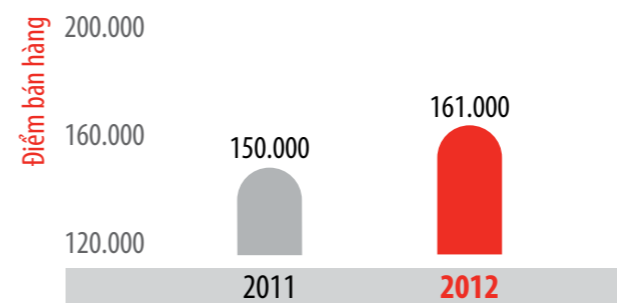
**Tăng trưởng lợi nhuận gộp**



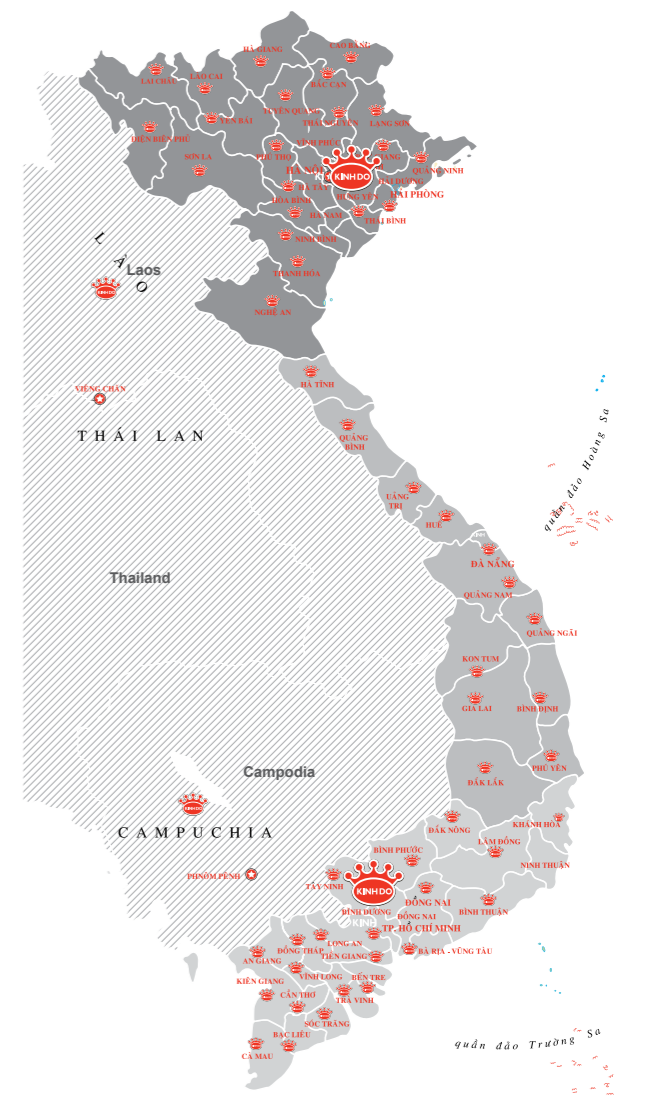
**Tăng trưởng EBITDA**



Nhìn chung, chi phí bán hàng và marketing năm 2012 ổn định. Chúng tôi tiếp tục đầu tư vào hệ thống bán hàng kem để khai thác công suất sản xuất đã tăng lên trong năm 2011, giúp gia tăng sản lượng bán ra đáng kể trong năm 2012. Tổng tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý trên doanh thu tăng lên 30,6% do chi phí đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất của kênh bán hàng lạnh tăng lên, nhưng kênh phân phối rộng hơn sẽ giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho các năm tiếp theo.



	Nhà phân phối	Bán lẻ
Phân Phối Thực Phẩm	212	161.385
Kênh Phân Phối Lạnh	83	30.000



# ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## KẾT QUẢ NĂM 2012 (tiếp theo)

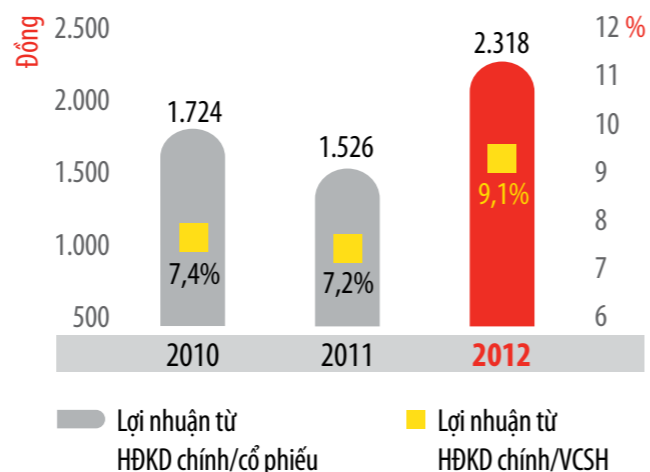
Để tăng hiệu quả, Công ty tiếp tục tái cơ cấu các tài sản không hiệu quả và không nằm trong lĩnh vực kinh doanh chính, dẫn đến chi phí tài chính cao hơn. Chi phí này tăng lên mức 209 tỷ đồng chủ yếu do Công ty thoái vốn khỏi Nutifood trong quý II năm 2012 nhưng bù lại chi phí lãi vay lại giảm. Lãi suất trung bình giảm từ mức 16%/năm trong năm 2011 xuống 12%/năm trong năm 2012 và dự kiến tiếp tục giảm giúp tiết kiệm thêm chi phí. Chúng tôi cũng thực hiện chiến lược kế hoạch nguồn vốn mới gia tăng các khoản vay USD, với nguồn tiền trả từ doanh thu xuất khẩu để thay thế các khoản vay ngắn hạn tiền đồng. Điều này sẽ không có kết quả ngay trong năm 2012 vì khoản vay này chưa được giải ngân đến cuối tháng 12 nhưng sẽ cho kết quả trong năm nay dù lãi suất tiền đồng có hạ xuống do ổn định vĩ mô.

Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã tốt hơn nhiều, tăng từ 8,1% trong năm 2011 lên 11,9% mặc dù đã bao gồm khoản chi phí đầu tư đột biến. Nếu loại trừ khoản này, thì biên lợi nhuận sẽ đạt xấp xỉ 14% trong điều kiện bình thường.

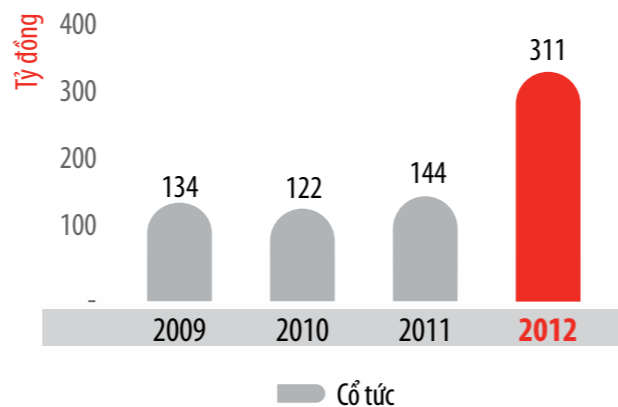
Lợi nhuận trước thuế đạt 490 tỷ đồng, tăng 40,3% từ mức 349 tỷ đồng của năm 2011. Lợi nhuận sau thuế đạt 357 tỷ đồng, dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 9,1%, tăng lên từ mức 7,2% năm 2011.

Nhìn chung lợi nhuận đạt được là rất khả quan mặc dù bị ảnh hưởng từ chi phí thoái vốn đầu tư đột biến từ Nutifood. Lợi nhuận tăng trưởng mạnh mặc dù tăng trưởng doanh thu hạn chế do cơ cấu lại toàn bộ danh mục sản phẩm và các quy trình hoạt động. Ảnh hưởng tích cực của các yếu tố này chỉ bó hẹp trong nửa cuối năm 2012 và sẽ tiếp tục giữ vững xuyên suốt năm 2013 dẫn đến kết quả khả quan cho năm nay.

## Sử dụng vốn hiệu quả hơn



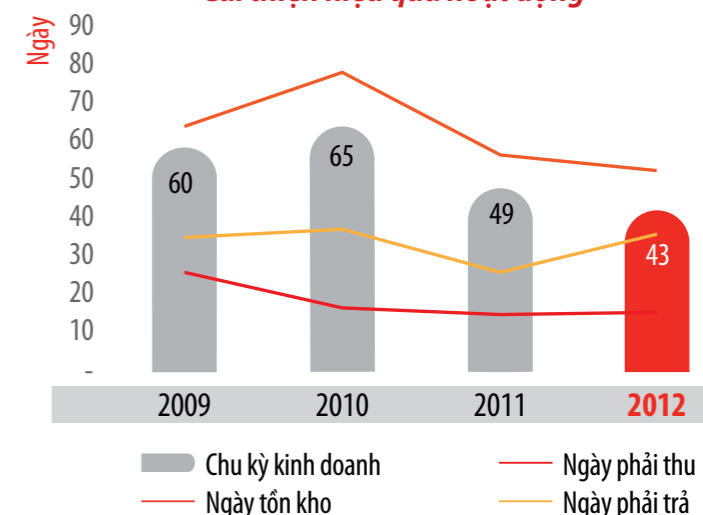
## Trả lại tiền cho cổ đông



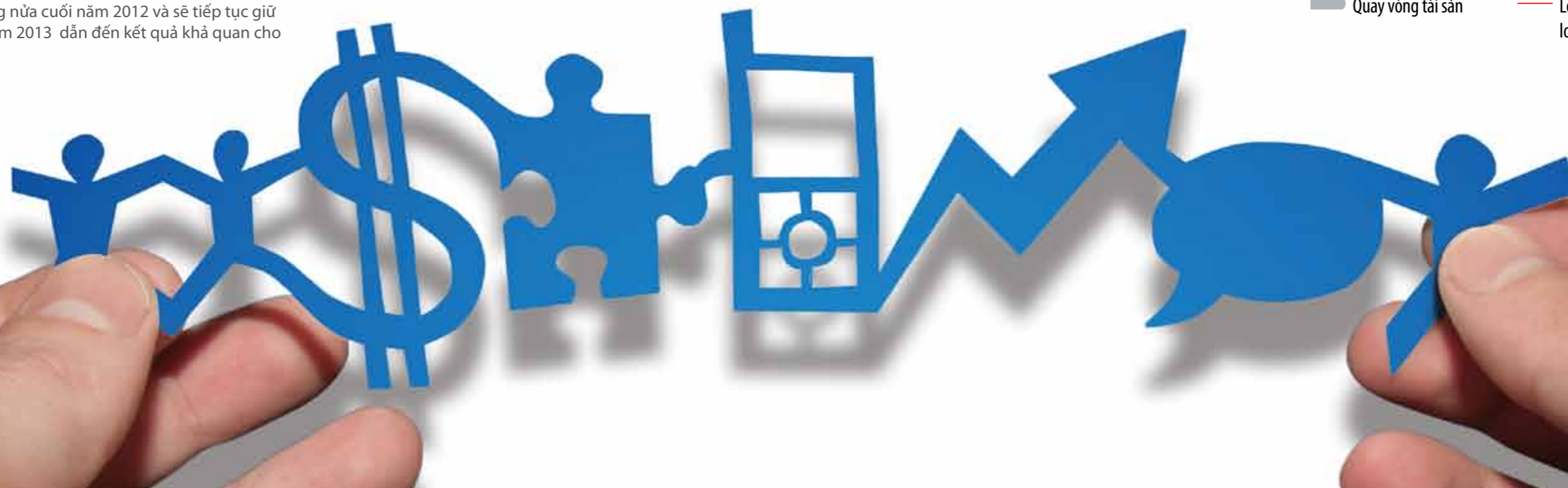
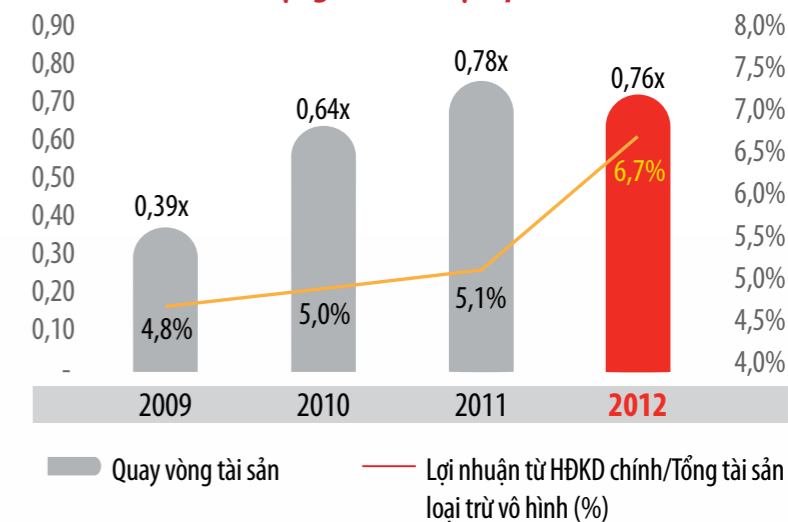
## TÀI SẢN

Tiền mặt của Công ty tiếp tục ở mức cao, xấp xỉ 830 tỷ đồng. Trong tương lai, Công ty sẽ vẫn duy trì lượng tiền mặt cao để có thể tận dụng khi có cơ hội đầu tư vào mảng thực phẩm và nước uống, và để chuẩn bị cho việc tung một số sản phẩm mới trong năm sau. Các khoản đầu tư ngắn hạn tiếp tục được thanh lý và giảm dần theo chiến lược tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi. Tài sản cố định tăng nhẹ do một số khoản đầu tư vào hệ thống và công suất trong năm 2012. Chu kỳ kinh doanh nói chung được cải thiện, giảm từ 49 ngày xuống còn 43 ngày do gia tăng khả năng quản lý vốn lưu động. Chu kỳ giảm chủ yếu do vòng quay hàng tồn kho tăng và ngày tồn kho giảm nhờ tăng hiệu quả vận hành của các quy trình hoạt động. Trong năm sau, chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung cải thiện khả năng quản lý vốn lưu động nhưng tập trung vào mảng phải thu và phải trả; bao gồm đặt ra các chương trình cải thiện hiệu quả sử dụng vốn cụ thể để cân bằng mức độ lợi nhuận và rủi ro.

## Cải thiện hiệu quả hoạt động



## Sử dụng tài sản hiệu quả hơn



# ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

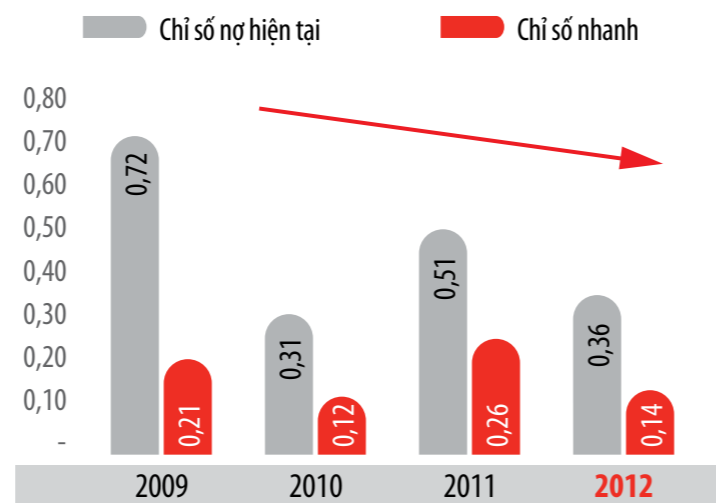
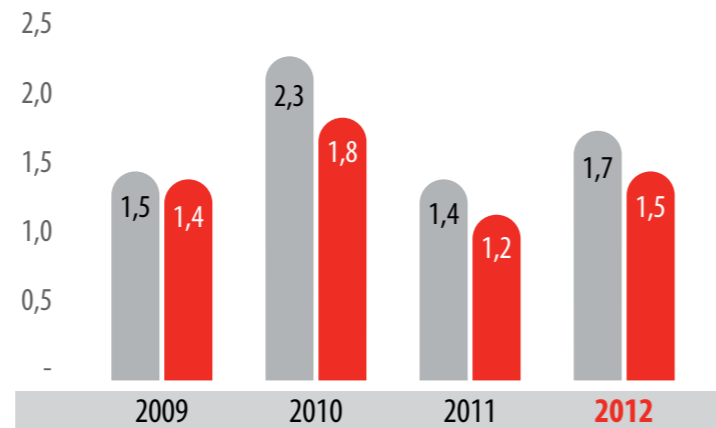
## VỐN

Tổng vốn vay giảm từ 997 tỷ đồng xuống còn 582 tỷ đồng, dẫn đến tỷ lệ nợ vay ngoài trên vốn chủ sở hữu giảm xuống còn 0,14 lần và tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu giảm còn 0,36 lần. Tỷ lệ này dự kiến sẽ không biến động nhiều trong các năm tới nhưng có thể sẽ tăng nhẹ nếu cần thiết để tận dụng các cơ hội đầu tư tiềm năng. Khoản vay USD sẽ được giải ngân vào đầu năm 2013 thay thế các khoản vay ngắn hạn. Nhìn chung tổng nợ vay sẽ ở mức tương đương nhưng chi phí lãi vay sẽ giảm đi đáng kể. Mục tiêu dài hạn là vẫn duy trì tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu dưới 0,50 lần để đảm bảo an toàn vốn dù đã có thêm khoản vay dài hạn mới. Việc gia tăng thời gian đáo hạn bình quân của các khoản vay sẽ giúp Công ty giảm mức độ phụ thuộc vào thị trường vốn vay ngắn hạn và gia tăng độ ổn định của cơ cấu vốn. Chiến lược này sẽ giúp giảm mức biến động của tình hình tài chính Công ty với các biến động lãi suất ngắn hạn do bất ổn thị trường tương tự như năm 2011 và 2012. Đặc biệt sự biến động của lãi suất tiền đồng và USD là đối nghịch giúp hạn chế thêm rủi ro tài chính.

## CÁC RỦI RO CHÍNH

**Rủi ro về giá nguyên vật liệu:** Chúng tôi đánh giá đây sẽ tiếp tục là một trong những rủi ro chính của Công ty do tỷ lệ nguyên vật liệu trong giá vốn hàng bán của Công ty cao, dẫn đến lợi nhuận của Công ty biến động mạnh khi giá nguyên vật liệu thay đổi. Nguyên vật liệu chính của Công ty bao gồm bột mì, đường, dầu ăn, và sữa. Mặc dù Công ty vẫn tiếp tục thận trọng trong việc quản lý rủi ro về giá và chủ động nguồn nguyên vật liệu nhưng thị trường vẫn tiếp tục biến động mạnh và Công ty vẫn chịu ảnh hưởng từ các yếu tố cung cầu của thế giới. Chúng tôi tiếp tục duy trì tính kỷ luật trong quản lý rủi ro bao gồm việc chủ động thực hiện những hợp đồng cố định về thời gian đáo hạn và giá để giảm thiểu tác động trong ngắn hạn. Chúng tôi cũng làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo rằng họ nắm bắt được thời điểm nhu cầu của chúng tôi về nguyên liệu giúp họ hạn chế rủi ro về giá tốt hơn.

**Rủi ro về tỷ giá:** Cũng là mối quan tâm đáng kể đối với những Công ty Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Các nguyên liệu đầu vào của Công ty bao gồm máy móc thiết bị hiện vẫn phải nhập khẩu do Việt Nam vẫn còn chưa có khả năng sản xuất các dây chuyền này.



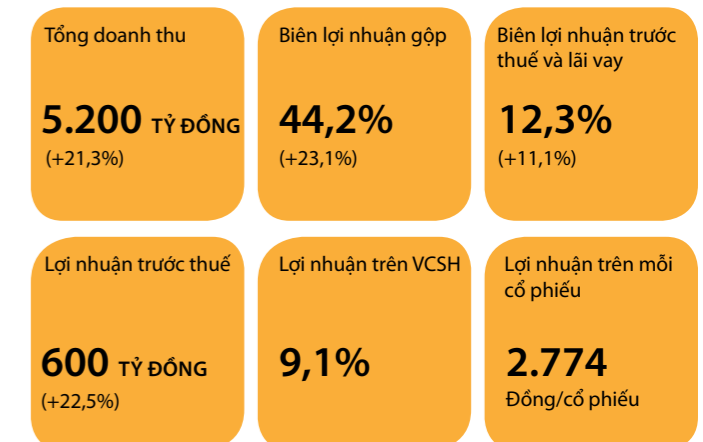
**Tiền mặt hiện dồi dào  
xấp xỉ 830 tỷ đồng**

Chúng tôi vẫn thu mua tối đa các nguyên liệu được cung cấp trong nước bằng tiền đồng để hạn chế rủi ro tỷ giá và tập trung vào quản lý rủi ro giá nguyên liệu. Cách tiếp cận này yêu cầu sự hợp tác và mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sở hữu mảng xuất khẩu mạnh và đang tăng trưởng tốt, cung cấp trực tiếp nguồn ngoại tệ cho Công ty giúp hạn chế rủi ro tỷ giá từ đầu vào.

## CƠ CẤU QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Kinh Đô tiếp tục được điều hành trên cơ sở các Đơn Vị Kinh Doanh Chiến Lược cùng chia sẻ các dịch vụ về Bán Hàng, Marketing, và Mua Hàng. Các thay đổi chủ yếu tập trung vào cải thiện hiệu quả hoạt động nội bộ và quan trọng hơn là tập trung gia tăng hơn nữa sự cộng tác nội bộ giữa các phòng ban và phát huy mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác phân phối của Công ty. Đây chính là sự điều chỉnh sau khi Công ty nhận được nhiều phản hồi từ các nhà phân phối về các khó khăn họ gặp phải trên thị trường do ảnh hưởng từ thắt chặt tín dụng, nhu cầu người tiêu dùng thấp, và khó khăn về vốn lưu động. Chúng tôi cũng đang trong quá trình tái cấu trúc thương hiệu để có sự cân bằng hơn giữa hệ thống các thương hiệu sản phẩm và sự kết nối tốt hơn với thương hiệu Công ty Kinh Đô để tăng khả năng nhận diện của toàn thể hệ thống thương hiệu và tăng hiệu quả của từng khoản đầu tư vào thương hiệu. Chúng tôi cũng tập trung việc quản lý tài chính toàn Tập đoàn để giúp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Chúng tôi cũng sẽ tận dụng kỷ niệm 20 năm thành lập để cơ cấu lại hệ thống thương hiệu. Lễ kỷ niệm cũng sẽ hỗ trợ việc tung ra các sản phẩm hàng ngày vốn đã dễ nhận biết và quen thuộc với thương hiệu Kinh Đô. Hệ thống tích hợp vẫn sẽ tiếp tục là lợi thế cạnh tranh và là điểm khác biệt của Công ty. Chúng tôi đã dành nhiều thời gian để cải thiện hiệu quả và gia tăng sự phối hợp giữa các phòng ban khác nhau trong Công ty. Nhìn chung, hệ thống này sẽ giúp gia tăng cả tăng trưởng nội tại và tăng trưởng từ bên ngoài giúp tăng hiệu quả hơn nữa khi quy mô lớn hơn.

## MỤC TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2013



## CÁC THAY ĐỔI TRONG ĐẦU TƯ

- Các khoản đầu tư tài chính đã giảm trong năm vừa qua.
- Các dự án bất động sản sẽ tiếp tục dừng lại do Công ty tập trung vào mảng kinh doanh chính là thực phẩm và nước uống.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2013

Chúng tôi vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược kinh doanh như đã đề ra năm ngoái. Chúng tôi sẽ tập trung mở rộng danh mục sản phẩm theo chiến lược "Food and Flavor" và tận dụng hệ thống phân phối để mang đến cho người tiêu dùng các sản phẩm hàng ngày để tăng trưởng hiệu quả. Về phương hướng tiếp cận, chúng tôi sẽ tìm kiếm các cơ hội tăng trưởng tự nhiên và bên ngoài. Tăng trưởng tự nhiên sẽ đến từ việc hợp tác với các đối tác bên ngoài để sản xuất các sản phẩm dưới thương hiệu của Kinh Đô và được phân phối qua hệ thống bán hàng của Công ty. Mặt khác, các cơ hội tăng trưởng từ bên ngoài sẽ được đánh giá dựa trên loại sản phẩm (khả năng tăng trưởng, tình hình thị trường, mức độ cạnh tranh của thị trường, và định vị sản phẩm), cơ hội sáp nhập (khả năng của Công ty, đội ngũ điều hành, khả năng tích hợp với KDC, và lợi ích hợp nhất), khả năng điều hành Công ty và định giá (bao gồm lợi nhuận và rủi ro). Cơ sở đánh giá chính sẽ là khả năng tiến tới sáp nhập, tích hợp hệ thống và tạo ra giá trị khi cải tổ hoạt động của mục tiêu sáp nhập.

Nhìn chung chi phí đầu tư vào máy móc thiết bị nhà xưởng cho năm tới sẽ ổn định. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng đầu tư dự kiến cho năm 2013 ở mức xấp xỉ 10 triệu USD để nâng cấp máy móc và cơ sở vật chất. Năm nay, Công ty sẽ duy trì công suất đã đầu tư từ năm trước.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty đã tập trung khai thác tốt nền tảng kinh doanh cốt lõi và có chiến lược quản trị tốt để hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

Năm 2012 tiếp tục là một năm phát triển của Kinh Đô, giữ vững vị trí đầu ngành về thực phẩm ở Việt Nam.



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh Đô (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 09 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh	Ngày
Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 09 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	03 tháng 08 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	07 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 05 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 05 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	06 tháng 07 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	06 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 01 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	01 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 03 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	02 tháng 03 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Ông Cô Gia Thọ	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Mã Thanh Danh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Cao Thuận	Trưởng ban
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám Đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám Đốc	
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám Đốc	
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Nguyễn Khắc Huy	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Foo Woh Seng	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Lê Anh Quân	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Nguyễn Quốc Nam	Phó Tổng Giám Đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2012
Ông Gariel Magno Torres	Phó Tổng Giám Đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 07 năm 2012
Ông Lê Văn Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc	từ nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2012

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán của Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

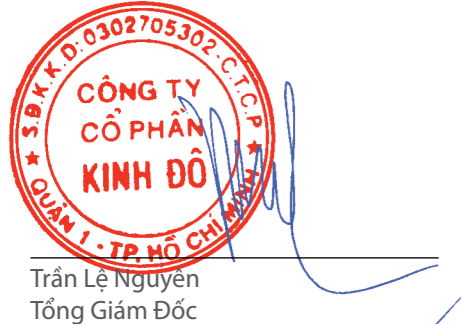
Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám Đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc:



Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám Đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kinh Đô và các Công ty con (Sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được trình bày từ trang 60 đến trang 108 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán

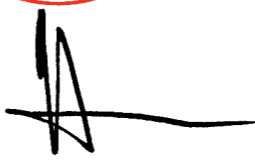
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.  
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

  
Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám Đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

  
Hàng Nhật Quang  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N. 1772/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
VNĐ				
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.289.382.509.434</b>	<b>2.558.532.922.412</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>829.459.259.294</b>	<b>967.330.130.617</b>
111	1. Tiền		215.149.047.387	185.816.130.617
112	2. Các khoản tương đương tiền		614.310.211.907	781.514.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>12.2</b>	<b>237.482.984.125</b>	<b>373.770.318.479</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		274.454.915.888	434.804.094.447
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(36.971.931.763)	(61.033.775.968)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>6</b>	<b>882.114.197.701</b>	<b>724.910.919.717</b>
131	1. Phải thu khách hàng		180.529.903.420	202.402.215.815
132	2. Trả trước cho người bán		196.058.013.223	88.277.731.306
135	3. Các khoản phải thu khác		507.157.423.689	436.692.571.164
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.631.142.631)	(2.461.598.568)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>316.605.949.009</b>	<b>398.032.090.636</b>
141	1. Hàng tồn kho		323.945.751.898	399.655.331.306
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.339.802.889)	(1.623.240.670)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>23.720.119.305</b>	<b>94.489.462.963</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		17.310.449.270	27.523.140.386
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		73.411.292	3.495.249.715
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	9.261.522.658
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		6.336.258.743	54.209.550.204
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.225.321.952.576</b>	<b>3.273.805.125.203</b>
<b>218</b>	<b>I. Phải thu dài hạn khác</b>		<b>299.618.517</b>	<b>345.000.000</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.451.929.592.575</b>	<b>1.453.949.294.596</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	941.976.539.062	830.120.570.346
222	Nguyên giá		1.689.567.812.006	1.466.067.600.094
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(747.591.272.944)	(635.947.029.748)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	412.023.311.045	477.469.498.522
228	Nguyên giá		492.810.355.420	527.050.756.383
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(80.787.044.375)	(49.581.257.861)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	97.929.742.468	146.359.225.728
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>24.018.297.599</b>	<b>26.591.686.628</b>
241	1. Nguyên giá		34.524.970.816	34.524.970.816
242	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.506.673.217)	(7.933.284.188)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.271.100.000.000</b>	<b>1.255.715.348.986</b>
252	1. Đầu tư vào các Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	12.1	1.256.100.000.000	1.207.972.190.946
258	2. Đầu tư dài hạn khác	12.3	15.000.000.000	91.823.744.124
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.3	-	(44.080.586.084)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>128.053.492.580</b>	<b>143.691.728.058</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		79.707.784.012	94.489.225.035
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	47.795.925.568	48.652.720.023
268	3. Tài sản dài hạn khác		549.783.000	549.783.000
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>4</b>	<b>349.920.951.305</b>	<b>393.512.066.935</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.514.704.462.010</b>	<b>5.832.338.047.615</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-DN/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
VNĐ				
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.469.330.630.943</b>	<b>1.959.475.083.174</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.353.059.965.053</b>	<b>1.783.559.913.116</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	529.559.033.303	882.654.433.040
312	2. Phải trả người bán	14	274.618.256.546	274.134.221.072
313	3. Người mua trả tiền trước	15	37.628.753.830	36.056.645.617
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	102.723.109.885	58.171.397.947
315	5. Phải trả người lao động		61.215.290.368	65.677.580.413
316	6. Chi phí phải trả	17	181.636.672.869	221.099.438.573
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	121.494.113.721	203.176.971.073
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.184.734.531	42.589.225.381
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>116.270.665.890</b>	<b>175.915.170.058</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		63.637.569.390	61.835.596.114
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	52.633.096.500	114.079.573.944
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>20</b>	<b>4.010.273.661.046</b>	<b>3.837.589.950.801</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.010.273.661.046</b>	<b>3.837.589.950.801</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.599.216.250.000	1.195.178.810.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.189.781.329.788	1.950.665.093.455
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(655.246.276.814)	(153.869.778.400)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(891.411.434)
417	5. Quỹ đầu tư, phát triển		25.370.280.515	25.370.280.515
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		25.792.635.752	25.792.635.752
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		15.909.752.661	15.909.752.661
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		809.449.689.144	779.434.568.252
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>35.100.170.021</b>	<b>35.273.013.640</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.514.704.462.010</b>	<b>5.832.338.047.615</b>

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	2.041.170	1.562.941
- Euro	102	102
- Nhân dân Tệ	-	173.300
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	9.598.048.875	-

  
Trần Minh Nguyệt  
Người lập

  
Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Nguyễn  
Tổng Giám Đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02-DN/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
			VNĐ	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	4.311.914.226.281	4.278.051.638.403
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(26.116.782.870)	(31.166.008.599)
10	3. Doanh thu thuần	21.1	4.285.797.443.411	4.246.885.629.804
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(2.416.751.839.765)	(2.573.745.939.917)
20	5. Lợi nhuận gộp		1.869.045.603.646	1.673.139.689.887
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	133.281.778.819	127.492.814.648
22	7. Chi phí tài chính	23	(190.339.813.268)	(180.679.651.253)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(94.369.615.032)	(117.213.229.417)
24	8. Chi phí bán hàng		(958.733.196.493)	(941.173.596.925)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(343.004.410.348)	(331.706.403.979)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		510.249.962.356	347.072.852.378
31	11. Thu nhập khác	24	20.132.906.361	18.467.397.145
32	12. Chi phí khác	24	(40.454.914.532)	(20.752.611.249)
40	13. Lỗ khác	24	(20.322.008.171)	(2.285.214.104)
45	14. Lợi nhuận từ Công ty liên kết		-	6.893.562.118
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		489.927.954.185	351.681.200.392
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(131.641.468.329)	(87.310.301.074)
52	17. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	26.3	(856.794.455)	16.764.537.568
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế		357.429.691.401	281.135.436.886
	Phân bổ cho:			
61	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		3.485.288.065	5.083.224.574
62	18.2 Cổ đông của Công ty mẹ		353.944.403.336	276.052.212.312
80	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	2.318	1.926

  
Trần Minh Nguyệt  
Người lập

  
Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám Đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-DN/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
			VNĐ	
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		489.927.954.185	351.681.200.392
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ	4, 8 9,11	215.148.557.479	198.921.618.766
03	Các khoản dự phòng		11.013.981.270	37.875.188.972
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(2.781.973.065)	(1.542.696.225)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(51.459.916.808)	(116.676.647.656)
06	Chi phí lãi vay	23	94.369.615.032	117.213.229.417
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		756.218.218.093	587.471.893.666
09	Giảm các khoản phải thu		64.968.349.554	368.476.239.477
10	Giảm hàng tồn kho		75.709.579.408	35.274.279.706
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(94.402.339.724)	137.986.606.744
12	Giảm (tăng) các chi phí trả trước		24.994.132.139	(31.097.357.448)
13	Tiền lãi vay đã trả		(96.483.378.327)	(114.190.654.109)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(77.403.326.392)	(81.711.661.306)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		6.453.122.221	95.628.083.095
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.706.163.034)	(64.725.870.817)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		650.348.193.938	933.111.559.008
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(222.818.458.228)	(326.069.078.042)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		7.788.090.788	5.422.364.340
23	Tiền chi cho vay		(2.773.200.000.000)	(1.133.598.500.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		2.851.929.343.712	856.510.211.400
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(258.883.483.745)	(594.741.569.279)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư vào đơn vị khác		111.288.125.542	162.925.087.803
27	Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia		30.504.845.950	24.296.773.701
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(253.391.535.981)	(1.005.254.710.077)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-DN/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
				VNĐ
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận góp vốn		693.153.676.333	-
	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		200.000.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu	<b>20.1</b>	(501.376.498.414)	(15.219.366.000)
33	Tiền vay nhận được		2.102.838.534.453	1.914.616.265.909
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.517.380.411.634)	(1.390.497.638.485)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của Công ty mẹ		(311.706.777.813)	(143.195.195.714)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		(3.546.360.564)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(537.817.837.639)</b>	<b>365.704.065.710</b>
<b>50</b>	<b>(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(140.861.179.682)</b>	<b>293.560.914.641</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>5</b>	<b>967.330.130.617</b>	<b>672.316.189.794</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>2.990.308.359</b>	<b>1.453.026.182</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>829.459.259.294</b>	<b>967.330.130.617</b>

Trần Minh Nguyệt  
Người lập

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám Đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kinh Đô ("KDC" hoặc "Công ty"), các Công ty con, các Công ty liên kết và một Công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

#### Công ty

KDC là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 09 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh	Ngày
Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 09 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	03 tháng 08 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	07 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 05 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 05 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	06 tháng 07 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	06 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 01 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	01 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 03 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	02 tháng 03 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.889 (31 tháng 12 năm 2011: 6.025).

#### Các Công ty con

##### Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD")

KDC sở hữu 99,8% vốn cổ phần trong KDBD, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004 và theo GCNĐKKD sửa đổi sau đó.

Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### Các Công ty con (tiếp theo)

##### Công ty Cổ phần Bánh kẹo Vinabico (“Vinabico”)

KDC sở hữu 51,20% vốn cổ phần trong Vinabico, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2003 và theo GCNĐKKD sửa đổi sau đó.

Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Vinabico có trụ sở và nhà máy đăng ký tại 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

##### Công ty TNHH Kido (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong KIDO, trước đây là một Công ty cổ phần, hiện là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2003 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.

Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

##### Công ty TNHH Một Thành viên Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong NKD, trước đây là một Công ty cổ phần, hiện là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 08 năm 1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28 tháng 01 năm 2000 và ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bản Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một chi nhánh tại số 200 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### Các Công ty liên kết

##### Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 49% vốn điều lệ trong TAP, một Công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 09 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### Các Công ty liên kết (tiếp theo)

##### Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái (“TTR”)

KDC sở hữu 30% vốn cổ phần trong TTR, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310442801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của TTR là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TTR có trụ sở đăng ký tại số 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Liên doanh đồng kiểm soát

##### Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 09 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 7, Tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

#### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

#### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

#### 2.5 Cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Việc mua lại phần lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mở rộng quyền sở hữu của Tập đoàn, theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách của phần được mua trong tài sản thuần được ghi nhận như khoản lợi thế thương mại.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau đây:

##### 3.1.1 Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"). CMKTVN số 10 và Thông tư 179 khác với Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái mà Tập đoàn đã sử dụng trong các năm tài chính trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

##### 3.1.1 Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái (tiếp theo)

Nghiệp vụ	CMKTVN số 10	Xử lý kế toán theo
		Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại cuối năm	Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản.	Tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CMKTVN số 10 và Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Sự ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do thay đổi trong việc đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm là không trọng yếu, xét trên phương diện tổng thể.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa.	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm.	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

#### Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

#### 3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	20 - 55 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 năm
Tài sản khác	8 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.10 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

#### 3.12 Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của Công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của Công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ Công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### 3.14 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.16 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn đã áp dụng CMKTVN số 10 và Thông tư 179 để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cách xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201 đã được Tập đoàn áp dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Sự khác biệt giữa CMKTVN số 10/Thông tư 179 và Thông tư 201 và các ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do sự thay đổi này được trình bày trong Thuyết minh số 3.1.1.

#### 3.18 Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ thể hiện số cổ phiếu của Công ty do Tập đoàn mua lại và được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

##### Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn của tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

##### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

##### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

##### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### 3.22 Thuế

##### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.22 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.23 Công cụ Tài Chính

##### *Ghi nhận lần đầu và trình bày*

##### **Tài sản tài chính**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ Tài Chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Tài sản tài chính, theo phạm vi của Thông tư 210 cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính, theo phạm vi của Thông tư 210 cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

##### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ Tài Chính sau khi ghi nhận ban đầu.

##### *Bù trừ các công cụ Tài Chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 4. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ trong năm và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

	Giá trị VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và cuối năm	433.015.187.595
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế</b>	
Số đầu năm	39.503.120.660
Khấu trừ trong năm	43.591.115.630
Số cuối năm	83.094.236.290
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	393.512.066.935
Số cuối năm	349.920.951.305

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.459.782.477	2.801.976.864
Tiền gửi ngân hàng	211.785.272.910	179.638.960.753
Tiền đang chuyển	1.903.992.000	3.375.193.000
Các khoản tương đương tiền	614.310.211.907	781.514.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>829.459.259.294</b>	<b>967.330.130.617</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	180.529.903.420	202.402.215.815
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	51.543.851.651	50.123.701.921
Các bên thứ ba	128.986.051.769	152.278.513.894
Trả trước cho người bán	196.058.013.223	88.277.731.306
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	27.929.026.963	-
Các bên thứ ba	168.128.986.260	88.277.731.306
Các khoản phải thu khác	507.157.423.689	436.692.571.164
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	344.901.764.350	265.174.735.263
Phải thu từ việc bán các khoản đầu tư	156.776.698.020	165.508.175.300
Phải thu khác	5.478.961.319	6.009.660.601
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.631.142.631)	(2.461.598.568)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>882.114.197.701</b>	<b>724.910.919.717</b>

Tập đoàn đã sử dụng một số khoản phải thu để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng. Chi tiết được trình bày trong Thuyết minh số 13.

### 7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	184.979.783.982	266.612.861.078
Hàng hóa	2.586.365.048	3.584.818.257
Công cụ, dụng cụ	28.842.914.533	28.647.225.690
Thành phẩm	93.969.539.629	88.915.503.384
Hàng mua đang đi đường	10.239.873.840	10.795.141.171
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.327.274.866	1.099.781.726
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>323.945.751.898</b>	<b>399.655.331.306</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.339.802.889)	(1.623.240.670)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>316.605.949.009</b>	<b>398.032.090.636</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					VNĐ
Số đầu năm	345.602.787.051	920.462.633.697	129.585.738.566	70.416.440.780	1.466.067.600.094
Tăng trong năm	46.135.076.268	193.017.505.993	12.560.170.655	3.775.589.535	255.488.342.451
Trong đó:					
<i>Mua mới</i>	6.297.641.326	60.505.620.768	12.560.170.655	3.528.713.866	82.892.146.615
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>	39.837.434.942	132.511.885.225	-	246.875.669	172.596.195.836
Giảm trong năm – <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(325.000.000)	(21.772.848.509)	(8.533.767.333)	(1.356.514.697)	(31.988.130.539)
Số cuối năm	391.412.863.319	1.091.707.291.181	133.612.141.888	72.835.515.618	1.689.567.812.006
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết</i>	425.333.996	72.960.738.109	7.210.054.778	22.706.832.190	103.302.959.073
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	71.066.355.987	478.796.705.202	44.000.206.982	42.083.761.577	635.947.029.748
Khấu hao trong năm	21.291.828.959	89.758.397.249	15.491.886.705	11.236.153.393	137.778.266.306
Giảm trong năm – <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(325.000.000)	(21.190.594.669)	(3.309.202.252)	(1.309.226.189)	(26.134.023.110)
Số cuối năm	92.033.184.946	547.364.507.782	56.182.891.435	52.010.688.781	747.591.272.944
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	274.536.431.064	441.665.928.495	85.585.531.584	28.332.679.203	830.120.570.346
Số cuối năm	299.379.678.373	544.342.783.399	77.429.250.453	20.824.826.837	941.976.539.062

Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 96.581.292.189 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong các Thuyết minh số 13 và 19.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							VNĐ
Số đầu năm	66.591.966.348	49.491.407.529	76.084.244.071	55.268.061.247	277.615.077.188	2.000.000.000	527.050.756.383
Tăng trong năm	-	15.280.699.237	478.899.800	-	-	-	15.759.599.037
Trong đó:							
<i>Mua mới</i>	-	-	478.899.800	-	-	-	478.899.800
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	15.280.699.237	-	-	-	-	15.280.699.237
Giảm trong năm – Thuyết minh số 31	(50.000.000.000)	-	-	-	-	-	(50.000.000.000)
Số cuối năm	16.591.966.348	64.772.106.766	76.563.143.871	55.268.061.247	277.615.077.188	2.000.000.000	492.810.355.420
Trong đó:							
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	-	818.391.855	-	-	-	818.391.855
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế</b>							
Số đầu năm	24.575.863.483	6.556.604.555	19.525.529.234	2.700.518.849	17.350.942.324	1.788.466.418	72.497.924.863
<i>Số liệu trình bày trước đây</i>	(22.916.667.002)	-	-	-	-	-	(22.916.667.002)
<i>Ảnh hưởng của việc trình bày lại – Thuyết minh số 31</i>							
<i>Trình bày lại – Thuyết minh số 31</i>	1.659.196.481	6.556.604.555	19.525.529.234	2.700.518.849	17.350.942.324	1.788.466.418	49.581.257.861
Khấu trừ trong năm	1.659.196.635	1.237.998.113	8.316.007.324	2.430.108.516	17.350.942.324	211.533.582	31.205.786.514
Số cuối năm	3.318.393.116	7.794.602.688	27.841.536.558	5.130.627.365	34.701.884.648	2.000.000.000	80.787.044.375
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	64.932.769.867	42.934.802.974	56.558.714.837	52.567.542.398	260.264.134.864	211.533.582	477.469.498.522
Số cuối năm	13.273.573.232	56.977.504.078	48.721.607.313	50.137.433.882	242.913.192.540	-	412.023.311.045

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lắp đặt máy móc	83.046.025.998	84.705.743.070
Xây dựng nhà máy mới	5.510.118.012	53.769.313.808
Phát triển phần mềm	3.581.574.577	3.573.203.669
Khác	5.792.023.881	4.310.965.181
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.929.742.468</b>	<b>146.359.225.728</b>

### 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ	
	Nhà máy	
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm và cuối năm		34.524.970.816
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu năm		7.933.284.188
Tăng trong năm		2.573.389.029
Số cuối năm		10.506.673.217
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm		26.591.686.628
Số cuối năm		24.018.297.599

Bất động sản đầu tư bao gồm một nhà xưởng đang cho Công ty Cổ phần Tribeco Miền Bắc thuê trong vòng 15 năm, từ ngày 25 tháng 05 năm 2007. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao trong 13,5 năm bắt đầu từ ngày 17 tháng 11 năm 2008. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được Tập đoàn đánh giá và xác định lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám Đốc Tập đoàn đánh giá rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

#### 12.1 Đầu tư vào các Công ty liên kết và Công ty liên doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue")	50,00	1.050.000.000.000	50,00	800.000.000.000
Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP")	49,00	204.300.000.000	49,00	202.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái ("TTR")	30,00	1.800.000.000	30,00	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood ("Nutifood")	-	-	24,70	203.672.190.946
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.256.100.000.000</b>		<b>1.207.972.190.946</b>

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và Công ty liên doanh đồng kiểm soát vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày như sau:

	VNĐ				
	Lavenue	TAP	TTR	Nutifood	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư</b>					
Số đầu năm	800.000.000.000	202.500.000.000	1.800.000.000	196.778.628.828	1.201.078.628.828
Tăng trong năm	250.000.000.000	1.800.000.000	-	-	251.800.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	(196.778.628.828)	(196.778.628.828)
Số cuối năm	1.050.000.000.000	204.300.000.000	1.800.000.000	-	1.256.100.000.000

#### Phần lũy kế lợi nhuận sau khi đầu tư

Số đầu năm	-	-	-	6.893.562.118	6.893.562.118
Lợi nhuận từ Công ty liên kết				(6.893.562.118)	(6.893.562.118)
Số cuối năm	-	-	-	-	-

#### Giá trị còn lại

Số đầu năm	800.000.000.000	202.500.000.000	1.800.000.000	203.672.190.946	1.207.972.190.946
Số cuối năm	1.050.000.000.000	204.300.000.000	1.800.000.000	-	1.256.100.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

#### 12.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
<b>Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh</b>		<b>24.265.947.837</b>		<b>30.788.438.479</b>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	1.991.386	48.737.879.600	2.895.528	91.822.214.447
<i>Trong đó:</i>				
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	455.281	15.885.188.911	379.401	15.885.188.911
Quỹ Cân bằng Prudential	1.040.000	10.860.118.000	1.040.000	10.860.118.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	60.000	2.312.843.502	35.850	2.255.441.490
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	91.044	1.458.264.693	77.000	4.338.498.000
Công ty Cổ phần Khí Việt Nam	30.000	1.198.795.500	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	27.412	1.021.814.918	53.112	2.410.942.111
Công ty Cổ phần Sông Đà số 9	96	3.478.263	103.196	4.454.063.481
Công ty Cổ phần Thương mại, Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	8	390.279	5.768	281.391.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	9	309.177	60.010	2.230.629.123
Công ty Cổ phần Hóa An	3	140.772	3	140.772
Ngân hàng Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Việt Nam	5	89.634	569.066	14.471.666.010
Công ty Cổ phần Vincom	8	53.351	1.558	10.390.000
Các cổ phiếu khác	-	-	183.044	11.627.352.449
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				
Tập đoàn Bảo hiểm Viễn Đông	237.520	12.496.392.600	237.520	12.496.392.600
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50.000	3.500.000.000	150.000	10.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		(24.471.931.763)		(61.033.775.968)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>213.217.036.288</b>		<b>342.981.880.000</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn		225.717.036.288		342.981.880.000
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đầu tư trái phiếu ngắn hạn</i>		98.000.000		350.000.000
Trái phiếu của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh		98.000.000		350.000.000
<i>Đầu tư ngắn hạn khác vào các bên liên quan</i>		225.619.036.288		342.598.500.000
<i>Trong đó:</i>				
Cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô vay		156.919.036.288		265.598.500.000
Cho Công ty Cổ phần Hùng Vương vay		35.700.000.000		44.000.000.000
Cho Công ty Đất Thắng vay		15.000.000.000		15.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vimec vay		10.000.000.000		10.000.000.000
Cho Công ty Tribeco Bình Dương vay		8.000.000.000		8.000.000.000
Cho cán bộ công nhân viên vay		-		33.380.000
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác		(12.500.000.000)		-
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>237.482.984.125</b>		<b>373.770.318.479</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

#### 12.3 Các khoản đầu tư dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Chứng khoán	1.500.000	15.000.000.000	1.500.005	15.000.129.874
<i>Trong đó:</i>				
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	5	129.874
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				
Công ty Đầu tư Chứng Khoán Y tế Bản Việt	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		-		76.823.614.250
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Tribeco Bình Dương		-		43.837.500.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phúc		-		32.986.114.250
Tổng các khoản đầu tư dài hạn		15.000.000.000		91.823.744.124
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		(44.080.586.084)
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>15.000.000.000</b>		<b>47.743.158.040</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	529.559.033.303	821.622.816.609
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 19)	-	61.031.616.431
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>529.559.033.303</b>	<b>882.654.433.040</b>

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Tập đoàn nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và số dư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/năm	Khoản đảm bảo
Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam ("VIB")	125.187.239.753	180 ngày kể từ ngày giải ngân	9 - 11	Tín chấp
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương	117.503.200.162	180 ngày kể từ ngày giải ngân	11,5 – 12,5	Máy móc thiết bị (2 dây chuyền sản xuất bánh) trị giá 10.317.074.530 VNĐ
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	108.111.367.719	90 ngày kể từ ngày giải ngân	9	Các khoản phải thu trị giá 7.750.000 Đô la Mỹ (Thuyết minh số 6)
	6.500.000.000	90 ngày kể từ ngày giải ngân	9	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	59.998.871.249	180 ngày kể từ ngày giải ngân	9 - 9,5	Tín chấp
Ngân hàng Standard Chartered	59.180.564.941	120 ngày kể từ ngày giải ngân	10 - 11,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	37.419.833.597	180 ngày kể từ ngày giải ngân	17,2 - 18,3	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt	15.657.955.882	120 ngày kể từ ngày giải ngân	9,5	Tín chấp
	<b>529.559.033.303</b>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	257.155.299.694	268.449.843.501
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	17.462.956.852	5.684.377.571
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>274.618.256.546</b>	<b>274.134.221.072</b>

### 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước từ các bên thứ ba	37.523.901.577	17.185.930.427
Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	104.852.253	18.870.715.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.628.753.830</b>	<b>36.056.645.617</b>

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	79.116.759.336	34.133.896.798
Thuế giá trị gia tăng	17.798.220.570	20.191.445.597
Thuế thu nhập cá nhân	4.233.648.849	3.225.636.043
Thuế xuất nhập khẩu	480.358.799	190.670.063
Các loại thuế khác	1.094.122.331	429.749.446
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.723.109.885</b>	<b>58.171.397.947</b>

### 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiếp thị	69.694.923.489	125.395.717.619
Thuế và phí chuyển quyền sử dụng đất	34.594.000.000	34.594.000.000
Hoa hồng bán hàng	26.425.323.237	15.544.174.235
Lương tháng 13 và thưởng	21.147.939.400	20.347.346.399
Phí vận chuyển	13.560.403.738	11.783.260.351
Chi phí tiện ích	3.278.987.013	1.936.500.742
Phí bản quyền	3.274.139.000	-
Chi phí lãi vay	2.979.679.906	5.093.443.201
Chi phí khác	6.681.277.086	6.404.996.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>181.636.672.869</b>	<b>221.099.438.573</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.000.000.000	100.000.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ	2.987.218.796	80.652.218.796
Doanh thu chưa thực hiện	2.947.932.000	2.947.932.000
Kinh phí công đoàn	2.466.048.047	895.443.356
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.811.992.728	523.985.859
Cổ tức phải trả	1.364.047.360	1.615.106.248
Các khoản phải trả khác	9.916.874.790	16.542.284.814
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>121.494.113.721</b>	<b>203.176.971.073</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	102.334.622.604	100.374.165.554
Phải trả bên thứ ba	19.159.491.117	102.802.805.519

## 19. VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	52.633.096.500	175.111.190.375
<b>Trừ:</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	-	61.031.616.431
<b>Vay dài hạn</b>	<b>52.633.096.500</b>	<b>114.079.573.944</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng United Oversea ("UOB") - Đô la Mỹ	52.633.096.500	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên - 08 tháng 11 năm 2012	4,00	Dây chuyền sản xuất bánh ngọt trị giá 86.264.217.659 VNĐ

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Năm trước	Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	1.195.178.810.000	1.195.178.810.000	1.195.178.810.000	1.950.665.093.455	(138.650.412.400)	1.122.511.871	25.370.280.515	25.792.635.752	16.135.952.661	663.650.072.802	3.739.264.944.656
Số liệu trình bày trước đây										20.416.667.002	20.416.667.002
Ảnh hưởng của việc trình bày lại										684.066.739.804	3.759.681.611.658
Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31											
Lợi nhuận thuần trong năm										273.552.212.312	273.552.212.312
Số liệu trình bày trước đây										2.500.000.000	2.500.000.000
Ảnh hưởng của việc trình bày lại											
Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31											
Mua cổ phiếu quỹ					(15.219.366.000)					276.052.212.312	276.052.212.312
Cổ tức đã công bố										(15.219.366.000)	(15.219.366.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái						(2.013.923.305)				(144.300.874.674)	(144.300.874.674)
Trích lập các quỹ										(2.013.923.305)	(2.013.923.305)
Thù lao Hội đồng Quản trị										(31.074.108.220)	(31.074.108.220)
Sử dụng quỹ										(5.309.400.970)	(5.309.400.970)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.199.216.250.000</b>	<b>1.950.665.093.455</b>	<b>1.199.216.250.000</b>	<b>1.950.665.093.455</b>	<b>(153.869.778.400)</b>	<b>(891.411.434)</b>	<b>25.370.280.515</b>	<b>25.792.635.752</b>	<b>15.909.752.661</b>	<b>779.434.568.252</b>	<b>3.837.589.950.801</b>
<i>Năm nay</i>											
Số đầu năm	1.195.178.810.000	1.195.178.810.000	1.195.178.810.000	1.950.665.093.455	(153.869.778.400)	(891.411.434)	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	756.517.901.250	3.814.673.283.799
Số liệu trình bày trước đây										22.916.667.002	22.916.667.002
Ảnh hưởng của việc trình bày lại											
Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31											
Phát hành cổ phiếu mới			140.000.000.000	503.153.676.333	(153.869.778.400)	(891.411.434)	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	779.434.568.252	3.837.589.950.801
Phát hành cổ phiếu thường			264.037.440.000	(264.037.440.000)							643.153.676.333
Mua cổ phiếu quỹ					(501.376.498.414)						(501.376.498.414)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái						891.411.434					891.411.434
Lợi nhuận thuần trong năm										353.944.403.336	353.944.403.336
Cổ tức đã công bố										(311.455.718.925)	(311.455.718.925)
Trích lập các quỹ										(6.728.181.334)	(6.728.181.334)
Thù lao Hội đồng Quản trị										(5.745.382.185)	(5.745.382.185)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.599.216.250.000</b>	<b>2.189.781.329.788</b>	<b>1.599.216.250.000</b>	<b>2.189.781.329.788</b>	<b>(655.246.276.814)</b>	<b>-</b>	<b>25.370.280.515</b>	<b>25.792.635.752</b>	<b>15.909.752.661</b>	<b>809.449.689.144</b>	<b>4.010.273.661.046</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	1.195.178.810.000	1.195.178.810.000
Vốn tăng trong năm	404.037.440.000	-
Số cuối năm	<b>1.599.216.250.000</b>	<b>1.195.178.810.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố trả	311.455.718.925	144.300.874.674

#### 20.3 Cổ phiếu

	VNĐ	
	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	159.921.625	119.517.881
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	159.921.625	119.517.881
Cổ phiếu ngân quỹ do Tập đoàn nắm giữ	(14.535.368)	(1.492.256)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	145.386.257	118.025.625

Ngày 13 tháng 01 năm 2012, Công ty đã phát hành 14.000.000 cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Ezaki Glico, một nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn và số cổ phiếu phổ thông này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 12/2012/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 02 năm 2012.

Ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty đã phát hành 26.403.744 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1 (5 cổ phiếu hiện hành sẽ được thưởng 1 cổ phiếu mới), được lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và số cổ phiếu thưởng này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 157/2012/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2012.

#### 20.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	353.944.403.336	276.052.212.312
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	152.692.848	143.314.534
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.318	1.926

Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm của Công ty bao gồm cổ phiếu ngân quỹ và cổ phiếu thưởng đã thực hiện cho đến ngày lập các BCTC hợp nhất này. Theo đó, số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm của năm trước đã được điều chỉnh hồi tố.

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 21. DOANH THU

#### 21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>4.311.914.226.281</b>	<b>4.278.051.638.403</b>
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm đã bán	4.261.773.089.546	4.251.917.206.580
Doanh thu hàng hóa đã bán	48.768.953.487	23.051.714.480
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.372.183.248	3.082.717.343
<b>Trừ:</b>	<b>(26.116.782.870)</b>	<b>(31.166.008.599)</b>
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(15.862.928.415)	(15.879.577.152)
Giảm giá hàng bán	(10.253.854.455)	(15.286.431.447)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.285.797.443.411</b>	<b>4.246.885.629.804</b>

#### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	122.931.646.545	97.525.907.712
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.746.638.478	5.568.390.761
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.781.973.065	1.542.696.225
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.088.283.677	2.829.543.596
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	418.433.704	19.935.052.312
Lãi từ đầu tư vào chứng khoán	314.803.350	91.224.042
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>133.281.778.819</b>	<b>127.492.814.648</b>

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.377.033.787.130	2.554.565.083.671
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.428.101.387	15.585.481.495
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.573.389.029	2.573.389.029
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.716.562.219	1.021.985.722
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.416.751.839.765</b>	<b>2.573.745.939.917</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	94.369.615.032	117.213.229.417
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	72.871.346.920	2.330.356.574
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.017.219.090	7.337.983.916
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.127.874.987	52.224.746.220
Hoa hồng thanh lý khoản đầu tư	2.355.886.896	-
Chiết khấu thanh toán	2.138.505.535	1.348.347.067
Khác	3.459.364.808	224.988.059
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>190.339.813.268</b>	<b>180.679.651.253</b>

### 24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>20.132.906.361</b>	<b>18.467.397.145</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	8.950.392.665	9.140.616.692
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	7.788.090.788	5.422.364.340
Thu nhập khác	3.394.422.908	3.904.416.113
<b>Chi phí khác</b>	<b>(40.454.914.532)</b>	<b>(20.752.611.249)</b>
Tiền phạt	(13.102.514.941)	-
Thanh lý các khoản phải thu	(9.598.048.875)	-
Chi phí bán phế liệu	(6.313.758.422)	(5.859.455.437)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(5.854.107.440)	(3.437.767.101)
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động kinh doanh	(1.568.797.253)	(7.305.553.507)
Chi phí khác	(4.017.687.601)	(4.149.835.204)
<b>LỖ THUẬN</b>	<b>(20.322.008.171)</b>	<b>(2.285.214.104)</b>

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	31.428.101.387	15.585.481.495
Nguyên vật liệu	2.038.113.660.539	2.211.218.835.111
Chi phí nhân công	589.804.207.979	557.666.924.480
Chi phí khấu hao và khấu trừ	213.579.760.226	191.616.065.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	438.501.829.445	496.725.306.851
Chi phí khác	441.229.532.421	463.155.492.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.752.657.091.997</b>	<b>3.935.968.105.903</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các Công ty con, ngoại trừ KDBD và NKD, có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

KDBD có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 15% lợi nhuận chịu thuế trong mười hai (12) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động và 25% lợi nhuận chịu thuế cho các năm tiếp theo. KDBD được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

NKD có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ những dòng sản phẩm mới từ tháng 02 năm 2006 là 20% kể từ ngày bắt đầu sản xuất và 25% đối với các năm tiếp theo. NKD được miễn thuế TNDN trong vòng hai (2) năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận và giảm 50% trong năm (5) năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ việc cho thuê nhà xưởng là 25%. NKD được miễn thuế TNDN trong vòng hai (2) năm kể từ khi NKD có thu nhập từ việc cho thuê và giảm 50% trong năm (5) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 26.1 Thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(131.641.468.329)	(87.310.301.074)
(Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(856.794.455)	16.764.537.568
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(132.498.262.784)</b>	<b>(70.545.763.506)</b>

#### 26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 26.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 31)
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>489.927.954.185</b>	<b>351.681.200.392</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
<b>Chênh lệch vĩnh viễn</b>		
Chi phí quảng cáo vượt mức 10%	179.773.366.015	108.280.736.731
Khấu trừ của lợi thế thương mại	43.591.115.630	28.824.472.280
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	42.133.667.060	23.187.870.881
Khấu trừ của tài sản cố định vô hình định giá lại từ các hợp nhất kinh doanh	21.638.639.385	21.853.766.980
Tiền phạt	13.132.414.941	-
Thu nhập từ cho thuê của Công ty con	1.575.748.752	-
Khấu hao tài sản cố định vượt mức quy định	1.253.219.666	9.111.123.791
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.088.283.677)	(9.723.105.714)
Lỗi từ thanh lý các khoản đầu tư	(40.005.209.054)	-
Các khoản điều chỉnh khác	3.540.436.016	572.806.764
<b>Chênh lệch tạm thời</b>		
Dự phòng các khoản cho các bên liên quan vay	12.500.000.000	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.863.283.977	(2.850.223.835)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.892.508.779	13.662.260.924
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.660.036.536	327.663.178
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(605.174.500)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(3.009.124.805)	-
Các khoản chi phí phải trả	(48.801.956.047)	66.811.597.137
Khấu hao tài sản vượt mức	-	102.508.319
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>725.972.642.859</b>	<b>611.842.677.828</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>	<b>152.938.697.307</b>	<b>103.032.499.614</b>
Thuế TNDN được miễn/giảm	(22.490.550.974)	(20.774.503.760)
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp</b>	<b>130.448.146.333</b>	<b>82.257.995.854</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.193.321.996	5.052.305.220
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>131.641.468.329</b>	<b>87.310.301.074</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	24.878.617.399	19.279.977.631
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(77.403.326.392)	(81.711.661.306)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>79.116.759.336</b>	<b>24.878.617.399</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp (Thuyết minh số 16)	79.116.759.336	34.133.896.798
Thuế TNDN phải thu	-	(9.255.279.399)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	31.835.959.199	41.711.858.315	(9.875.899.116)	15.889.447.092
Dự phòng trợ cấp thôi việc	10.036.783.622	7.213.567.239	2.823.216.382	2.530.454.036
Dự phòng các khoản cho các bên liên quan vay	3.125.000.000	-	3.125.000.000	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.837.312.193	(712.555.959)	3.549.868.152	(1.949.141.014)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	432.579.421	32.494.007	400.085.414	(5.712.795)
Chi phí khấu hao	312.799.927	407.356.421	(94.556.493)	407.356.421
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(45.388.088)	-	(45.388.088)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(739.120.706)	-	(739.120.706)	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-	(107.866.172)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.795.925.568</b>	<b>48.652.720.023</b>	<b>(856.794.455)</b>	<b>16.764.537.568</b>

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các Công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Tập đoàn ("Công ty liên quan").

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các Công ty có liên quan trong năm bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu lại khoản cho vay Cho vay ngắn hạn Lãi cho vay Tạm ứng phí bản quyền Phí bản quyền	2.843.595.963.712 (2.773.200.000.000) 97.600.446.605 (35.000.000.000) (8.155.033.000)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm Mua nguyên vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ Mua thành phẩm	45.204.434.260 4.238.467.030 (71.773.215)
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	(11.983.123.479)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty liên quan	Lãi cho vay	6.685.791.666

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	5.649.382.185	5.213.400.970
<i>Ban Tổng Giám Đốc</i>		
Lương và thưởng	16.230.000.000	14.680.000.000
<i>Ban Kiểm soát</i>		
Thù lao và thưởng	96.000.000	96.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.975.382.185</b>	<b>19.989.400.970</b>

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày trong *Thuyết minh số 12*, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	51.516.382.614
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	23.171.121
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	4.297.916
			<b>51.543.851.651</b>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Lãi vay	319.378.799.229
		Chi trả hộ	25.219.543.505
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Chi trả hộ	303.421.616
			<b>344.901.764.350</b>
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>			
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Tạm ứng phí bản quyền	27.929.026.963

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày trong *Thuyết minh số 12*, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VNĐ
Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>			
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	(16.612.401.350)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hộ	(560.000.000)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(290.555.502)
			<b>(17.462.956.852)</b>
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	(100.000.000.000)
Công ty TNHH Satra	Công ty liên quan	Phải trả từ cổ phần hóa Chi trả hộ	(2.140.722.604) (193.900.000)
			<b>(102.334.622.604)</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(104.852.253)

### 28. CÁC CAM KẾT

#### Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	11.531.870.595	10.784.176.562
Trên 1 – 5 năm	21.921.430.926	11.240.073.552
Trên 5 năm	817.920.000	2.358.221.630
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.271.221.521</b>	<b>24.382.471.744</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ Tài Chính phái sinh.

Trong phạm vi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám Đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như trình bày sau đây:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ Tài Chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ Tài Chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ Tài Chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám Đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; và
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ Tài Chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thị trường (tiếp theo)

##### Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và các khoản ký quỹ có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

		VND
	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm nay</b>		
Đô la Mỹ	100	(101.196.123)
VNĐ	300	6.142.527.967
Đô la Mỹ	-100	101.196.123
VNĐ	-300	(6.142.527.967)
<b>Năm trước</b>		
Đô la Mỹ	100	100.792.436
VNĐ	300	(163.085.146)
Đô la Mỹ	-100	(100.792.436)
VNĐ	-300	163.085.146

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ Tài Chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VNĐ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ Tài Chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

#### Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn là 21.328.919.093 VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 24.850.901.561 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoản 2.132.891.909 VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 2.485.090.156 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoản 2.132.891.909 VNĐ (31 tháng 12 năm 2010: 2.485.090.156 VNĐ).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ Tài Chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản cho vay trong nội bộ Tập đoàn, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ Tài Chính khác.

### Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám Đốc theo các chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập các báo cáo tài chính hợp nhất là giá trị ghi sổ của chúng. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

#### Các công cụ Tài Chính khác

Các công cụ Tài Chính khác của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn đến các bên liên quan và Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản Tài Chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản Tài Chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

VNĐ

	Tổng cộng	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				
		Không quá hạn và không bị suy giảm	< 90 ngày	91-180 ngày	181-210 ngày	> 210 ngày
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>						
Tiền gửi ngân hàng	829.459.259.294	829.459.259.294	-	-	-	-
Các khoản phải thu	687.986.945.626	572.134.743.602	41.075.625.521	29.371.638.227	11.042.635.028	34.362.303.248
Các khoản cho các bên liên quan vay	225.619.036.288	192.619.036.288	-	-	-	33.000.000.000
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>						
Tiền gửi ngân hàng	967.330.130.617	967.330.130.617	-	-	-	-
Các khoản phải thu	639.439.786.979	470.050.553.553	96.913.806.595	6.444.950.781	8.806.895.222	57.223.580.828
Các khoản cho các bên liên quan vay	342.598.500.000	289.598.500.000	-	20.000.000.000	-	33.000.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám Đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lương tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>				VNĐ
Các khoản vay	-	529.559.033.303	52.633.096.500	582.192.129.803
Phải trả người bán	274.618.256.546	-	-	274.618.256.546
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	181.982.847.190	-	15.766.479.023	197.749.326.213
	<b>456.601.103.736</b>	<b>529.559.033.303</b>	<b>68.399.575.523</b>	<b>1.054.559.712.562</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>				
Các khoản vay	-	882.654.433.040	114.079.573.944	996.734.006.984
Phải trả người bán	274.134.221.072	-	-	274.134.221.072
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	303.929.063.247	-	17.039.941.861	320.969.005.108
	<b>578.063.284.319</b>	<b>882.654.433.040</b>	<b>131.119.515.805</b>	<b>1.591.837.233.164</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ Tài Chính được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
<b>Các tài sản tài chính</b>				VNĐ
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh				
- Cổ phiếu niêm yết	32.741.487.000	(11.412.567.907)	68.825.951.721	(43.975.050.160)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	15.996.392.600	(13.059.363.856)	22.996.392.600	(17.058.792.600)
Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	15.000.000.000	-	91.823.614.250	(44.080.519.292)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	98.000.000	-	350.000.000	-
- Trái phiếu doanh nghiệp	225.619.036.288	(12.500.000.000)	342.598.500.000	-
Cho các bên liên quan vay	880.399.390	-	5.463.521.611	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	180.529.903.420	(1.631.142.631)	202.402.215.815	(2.461.598.568)
Phải thu khách hàng	507.157.423.689	-	436.692.571.164	-
Các khoản phải thu khác	829.459.259.294	-	967.330.130.617	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.807.481.901.681	(38.603.074.394)	2.138.482.897.778	(107.575.960.620)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.807.481.901.681</b>	<b>(38.603.074.394)</b>	<b>2.138.482.897.778</b>	<b>(107.575.960.620)</b>
			<b>1.768.878.827.287</b>	<b>2.030.906.937.158</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản vay và nợ	582.192.129.803	996.734.006.984	582.192.129.803	996.734.006.984	
Phải trả người bán	274.618.256.546	274.134.221.072	274.618.256.546	274.134.221.072	
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	197.749.326.213	320.969.005.108	197.749.326.213	320.969.005.108	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.054.559.712.562</b>	<b>1.591.837.233.164</b>	<b>1.054.559.712.562</b>	<b>1.591.837.233.164</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ Tài Chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu và cho vay này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 31. ĐIỀU CHỈNH LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Tổng tài sản của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm một tài sản cố định vô hình trị giá 50.000.000.000 VNĐ thể hiện giá trị của thương hiệu "Kinh Đô" mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô ("KDF") góp vốn vào Tập đoàn. Đồng thời, Tập đoàn cũng đã ghi nhận một khoản tương ứng với giá trị tài sản vô hình nói trên vào vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình, và Công văn số 12414/BTC-CĐKT do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 03 tháng 10 năm 2005, thương hiệu được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp thì không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình vì (1) loại thương hiệu này không phải là nguồn lực có thể xác định được, (2) loại thương hiệu này không được đánh giá một cách đáng tin cậy và (3) doanh nghiệp không thể kiểm soát được loại thương hiệu này.

Vào tháng 11 năm 2012, Tập đoàn nhận góp vốn bằng tiền trị giá 50.000.000.000 VNĐ từ KDF để thay thế cho phần vốn góp bằng thương hiệu "Kinh Đô" trước đây. Theo đó, Tập đoàn tiến hành điều chỉnh hồi tố chi phí khấu trừ liên quan đến thương hiệu "Kinh Đô" mà Tập đoàn đã ghi nhận trong các năm tài chính trước. Ảnh hưởng của các điều chỉnh này và các tài khoản có liên quan trong các báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

Mã số	Số liệu đã báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của các điều chỉnh lại	Số liệu sau khi điều chỉnh	VND
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>				
229	Giá trị khấu trừ lũy kế	72.497.924.863	(22.916.667.002)	49.581.257.861
420	Lợi nhuận chưa phân phối	756.517.901.250	22.916.667.002	779.434.568.252
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>				
24	Chi phí bán hàng	943.673.596.925	(2.500.000.000)	941.173.596.925
50	Lợi nhuận trước thuế	349.181.200.392	2.500.000.000	351.681.200.392

Thêm vào đó, số dư của tài khoản dự phòng trợ cấp thôi việc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trong năm nay như sau:

Mã số	Số liệu đã báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của các phân loại lại	Số liệu sau khi điều chỉnh	VND
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>				
333	Nợ phải trả dài hạn khác	17.039.941.861	44.795.654.253	61.835.596.114
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc	44.795.654.253	(44.795.654.253)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả trích lập theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động được trình bày trong cùng một khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Bắt đầu từ năm 2012, theo quy định của Thông tư 180, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm sẽ không có số dư vào cuối năm. Do đó, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả đã được phân loại lại vào Các khoản phải trả dài hạn khác cho phù hợp với cách trình bày của năm nay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	VND		
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.026.404.677.984	1.285.509.548.297	4.311.914.226.281
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.096.413.959)	(4.020.368.911)	(26.116.782.870)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	198.304.298.996	15.915.689.606	214.219.988.602
	<b>3.202.612.563.021</b>	<b>1.297.404.868.992</b>	<b>4.500.017.432.013</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(214.219.988.602)
Doanh thu trong năm			4.285.797.443.411
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>392.840.886.045</b>	<b>184.987.499.176</b>	<b>577.828.385.222</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			122.931.646.545
Chi phí lãi vay			(94.369.615.032)
Khấu trừ lợi thế thương mại			(43.591.115.630)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư			(72.871.346.920)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			489.927.954.185
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>4.609.428.459.472</b>	<b>743.082.810.024</b>	<b>5.352.511.269.496</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(187.727.758.791)
Tài sản không phân bổ			349.920.951.305
Tổng tài sản			5.514.704.462.010
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>1.258.501.133.350</b>	<b>398.557.256.384</b>	<b>1.657.058.389.734</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(187.727.758.791)
Tổng nợ phải trả			1.469.330.630.943
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và khấu trừ	156.970.415.897	58.178.141.582	215.148.557.479
Dự phòng phải thu khó đòi	(830.455.937)	-	(830.455.937)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.991.163.344	(274.601.125)	5.716.562.219
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.127.874.988	-	6.127.874.988

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

	VND		
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.958.132.067.770	1.319.919.570.633	4.278.051.638.403
Các khoản giảm trừ doanh thu	(26.143.258.167)	(5.022.750.432)	(31.166.008.599)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	249.662.475.640	15.703.017.905	265.365.493.545
	<b>3.181.651.285.243</b>	<b>1.330.599.838.106</b>	<b>4.512.251.123.349</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(265.365.493.545)
Doanh thu trong năm			4.246.885.629.804
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>246.021.814.838</b>	<b>154.171.179.539</b>	<b>400.192.994.377</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			97.525.907.712
Chi phí lãi vay			(117.213.229.417)
Khấu trừ lợi thế thương mại			(28.824.472.280)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			351.681.200.392
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>4.489.682.421.173</b>	<b>996.708.117.872</b>	<b>5.486.390.539.045</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(47.564.558.365)
Tài sản không phân bổ			393.512.066.935
Tổng tài sản			5.832.338.047.615
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>1.668.843.553.767</b>	<b>338.196.087.772</b>	<b>2.007.039.641.539</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(47.564.558.365)
Tổng nợ phải trả			1.959.475.083.174
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và khấu trừ	140.930.092.951	57.991.525.815	198.921.618.766
Dự phòng phải thu khó đòi	130.133.881	-	130.133.881
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	61.406.178	960.579.544	1.021.985.722
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	36.723.069.369	-	36.723.069.369

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2013, Tập đoàn phát hành 6.601.000 cổ phiếu mới cho nhân viên và các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát. Số lượng cổ phiếu mới này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 51/2013/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2013.

Ngoại trừ sự kiện nêu ở đoạn trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Minh Nguyệt  
Người lập

Ngày 25 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Lê Nguyên  
Tổng Giám Đốc